

SÁCH GIẢI NGHĨA

SÁCH PHI-LÊ-MÔN

PREPUBLICATION VERSION



All Scripture quotations in this publication, unless otherwise indicated are from
Thánh Kinh, Tân Ước, Bản Dịch Mới
Copyright © 1996 by Vietnamese Bible Inc./United Bible Society
Used by permission. All rights reserved.

[Explanations of Philemon]
Prepublication Edition
[Vietnamese]

Copyright © 1997 by Study Guides Press

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Study Guides Press
P.O. Box 382006
Duncanville, Texas 75138
USA

MỤC LỤC

Các chữ tắt và các hình thức đặc biệt khác.....	GT- 4
Hướng dẫn cách sử dụng bộ Sách Giải Nghĩa	HD-5
Giới thiệu sách Phi-lê-môn.....	1
Lời Giải Nghĩa sách Phi-lê-môn.....	3

CÁC CHỮ TẮT VÀ HÌNH THỨC ĐẶC BIỆT KHÁC

(Các chữ, các con số, hay các dấu hiệu được dùng thay chữ)

Các bản dịch KT:

- BDM *Thánh Kinh Tân Ước, Bản Dịch Mới*. 1996. Vietnamese Bible Inc./United Bible Societies.
BDC *Kinh-Thánh (Bản Dịch Cũ)*. 1967. Saigon: Thánh Kinh Hội
BDY *Thánh Kinh Tân Ước, Bản Diễn Ý*. 1982. Hong Kong: Living Bibles International.

Các chữ viết tắt và các hình thức khác:

- CU Cựu Ước
TU Tân Ước
KT Kinh Thánh
PKTCD Phân Kinh Thánh Cần Dịch
CKTG Câu Kinh Thánh Gốc
CDN Câu Định Nghĩa
NNĐDS Ngôn Ngữ Được Dịch Sang
NNG Ngôn Ngữ Gốc

Chữ “a” sau số câu cho thấy phần đang nói đến ở phần đầu của câu Kinh Thánh (KT). Cùng một cách, chữ “b” cho thấy là phần thứ hai của câu. Thí dụ:

- 8a phần đầu của câu 8
8b phần thứ hai của câu 8
8c phần thứ ba của câu 8

dùng các chữ kế tiếp để chỉ các phần khác của câu nếu cần.

... Ba chấm cho thấy chỗ một vài chữ đã bị loại bỏ khỏi văn mạch để thêm chỗ trống.

— Một gạch nối dài được dùng trong Câu Định Nghĩa (CDN) thay vào chỗ của ngoặc đơn hay gạch nối được dùng trong Câu Kinh Thánh Gốc (CKTG).

[] Dấu ngoặc vuông được dùng để chỉ một vài hàm ý trong nguyên bản đã được làm cho rõ ràng. Dấu ngoặc được dùng có ý giúp đỡ người chuyển ngữ hiểu ý nghĩa trọn vẹn của văn bản. Sau đó người chuyển ngữ sẽ quyết định họ có cần phải giải thích chi tiết đó rõ ràng hay không trong Ngôn Ngữ Được Dịch Sang (NNĐDS) hay có lẽ cung cấp chi tiết đó cho độc giả bằng một cách khác.

HƯỚNG DẪN CÁCH SỬ DỤNG BỘ SÁCH GIẢI NGHĨA

Mục Lục

Sơ Lược.....	HD-5
Cách Sử Dụng Sách Giải Nghĩa.....	HD-7

Các Phần Của Sách Giải Nghĩa

Phần Giới Thiệu.....	HD-7
Lời Giải Nghĩa.....	HD-8
Phần Kinh Thánh Cần Chuyển Ngữ	HD-12
Thứ Tự Cần Phải Áp Dụng Trong Khi Chuyển Ngữ	HD-15
Các Nguyên Tắc Chuyển Ngữ Cần Phải Nhớ.....	HD-16
Chúng Tôi Cần Ý Kiến Của Bạn	HD-17

Sơ Lược

Mục đích của Bộ Sách Giải Nghĩa	<p><i>Bộ Sách Giải Nghĩa</i> được soạn cho các người chuyển ngữ Kinh Thánh. Bộ sách này nhằm mục đích giúp đỡ cho các người chuyển ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none">• hiểu toàn thể sứ điệp của mỗi sách trong Kinh Thánh.• thấy rõ giá trị sự cấu trúc, về các phần khác nhau (của sách) được phối hợp lại như thế nào.• hiểu ý nghĩa một cách chi tiết như trong nguyên bản Hy-lạp.• cảnh giác về các chỗ (từ, nhóm từ) có thể khó chuyển ngữ.• cân nhắc kỹ đề nghị của những người chuyển ngữ khác về những cách có thể dùng để diễn tả ý nghĩa của đoạn kinh văn.
--	---

Các phần của câu	<p>Có nhiều câu được chia ra làm một vài phần nhỏ để cho người chuyển ngữ dễ so sánh với các bản dịch khác. Thí dụ, 1 Giăng 1:4 có thể chia ra làm hai phần:</p> <table><tr><td>1:4a</td><td>Chúng tôi viết điều này Vậy nên tôi viết những điều này cho anh chị em</td></tr><tr><td>1:4b</td><td>để niềm vui của chúng ta được trọn vẹn. để niềm vui của chúng ta được tràn đầy/tràn ngập.</td></tr></table>	1:4a	Chúng tôi viết điều này Vậy nên tôi viết những điều này cho anh chị em	1:4b	để niềm vui của chúng ta được trọn vẹn. để niềm vui của chúng ta được tràn đầy/tràn ngập.
1:4a	Chúng tôi viết điều này Vậy nên tôi viết những điều này cho anh chị em				
1:4b	để niềm vui của chúng ta được trọn vẹn. để niềm vui của chúng ta được tràn đầy/tràn ngập.				

Sơ Lược, tiếp theo

Những từ ngữ chuyên môn được dùng

Các từ chuyên môn dưới đây được dùng trong *Sách Giải Nghĩa* hay trong lời hướng dẫn này:

Từ Ngữ	Ý Nghĩa
<i>Ngôn ngữ gốc</i>	Đây là ngôn ngữ căn chuyển ngữ . Trong trường hợp này thường sẽ là tiếng Việt. Ngôn ngữ này được viết tắt là NNG.
<i>Ngôn ngữ được chuyển ngữ sang</i>	Đây là ngôn ngữ dùng để chuyển ngữ sang trong bản dịch, ngôn ngữ bạn đang dùng để chuyển ngữ. Đây thường là tiếng mẹ đẻ của người chuyển ngữ. Được viết tắt là NNĐCNS.
<i>Nghĩa bóng (hàm ý)</i>	Ý nghĩa không được viết ra rõ ràng trong các từ nhưng là một phần ý nghĩa của bản nguyên thủy, hay điều được các độc giả đầu tiên hiểu như vậy.
<i>Nghĩa đen</i>	Phần sứ điệp được viết ra rõ ràng.
<i>Tin tức hàm ý</i>	Tin tức chi tiết không được viết ra rõ ràng nhưng các độc giả đầu tiên biết hay hiểu.
<i>Tin tức được viết ra rõ ràng</i>	Tin tức hay chi tiết về sự kiện được tác giả nói hay viết rõ ràng.
<i>Phần kinh văn</i>	Các từ hay các câu hay một đoạn Kinh Thánh được dùng.
<i>Ngôn ngữ phụ</i>	ngôn ngữ mà người đó đã học sau ngôn ngữ của mình. Ngôn ngữ phụ thường không phải là tiếng mẹ đẻ, nhưng là một ngôn ngữ dùng trong buôn bán hay truyền thông quốc ngữ.

Cách Sử Dụng Sách Giải Nghĩa

Lời Hướng Dẫn Tổng Quát

- Cách tốt nhất để sử dụng Sách Giải Nghĩa là luôn luôn căn cứ vào nó trong khi bạn chuyển ngữ một sách. Tuy nhiên, nếu bạn muốn, bạn có thể dùng nó làm tài liệu khi bạn có sự khó khăn trong lúc chuyển ngữ một câu.
- Hãy đọc lời giới thiệu của *Lời Giải Nghĩa* trước khi bạn bắt đầu chuyển ngữ một sách. Làm như vậy sẽ giúp bạn hiểu được mục đích, bối cảnh và nội dung của toàn sách.
- Trước khi bạn bắt đầu chuyển ngữ một tiểu đoạn, hãy đọc lời giải nghĩa cho tiểu đoạn đó. Các lời giải nghĩa này sẽ giúp cho bạn hiểu những cách chọn lựa để giải kinh và sẽ báo cho bạn biết nếu có nan đề nào bạn có thể gặp trong sự chuyển ngữ.
- Sau khi bạn đã đọc lời giải nghĩa, hãy nghiên cứu Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ (PKTCCN). So sánh Câu Kinh Thánh Gốc, là hàng chữ trên cùng của Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ (PKTCCN), và Câu Định Nghĩa ở bên dưới.
- Câu Định Nghĩa của PKTCCN không phải là “câu chuyển ngữ mẫu;” tức là, bạn không nên chuyển ngữ trực tiếp từ Câu Định Nghĩa. Mục đích của nó là để giúp cho bạn hiểu ý nghĩa của câu Kinh Thánh.

Phần Giới Thiệu Của Sách Giải Nghĩa

Vị trí của phần giới thiệu

Mỗi sách trong loạt sách này đều bắt đầu bằng phần giới thiệu. Phần giới thiệu giúp người đọc có một cái nhìn tổng quát về toàn cuốn sách đó. Sách dài có thể cũng có phần giới thiệu riêng trước mỗi phần đoạn chính của sách.

Sự quan trọng của phần giới thiệu

Trước khi bắt đầu chuyển ngữ bất cứ sách nào trong Kinh Thánh người chuyển ngữ cần phải hiểu:

- *Bối cảnh* của cuốn sách, kể cả tác giả là ai (nếu biết), hoàn cảnh khi sách được viết, và độc giả mà sách muốn nhắm vào.
- *Mục đích* của tác giả, đó là lý do tại sao tác giả viết sách này.
- *Nội dung* của sách. Người chuyển ngữ cần phải biết rõ cả cuốn sách viết/nói về gì, cũng như chủ đề và phân đoạn.
- *Dàn bài* của sách, cho thấy các phân đoạn cũng như tiểu đoạn chính của nó.

Những chi tiết này được ghi rõ trong phần giới thiệu.

Lời Giải Nghĩa

Nội dung tổng quát của các Lời Giải Nghĩa

Các Lời Giải Nghĩa cung cấp các chi tiết về các phần chính của cuốn sách. Phần của sách mà các Lời Giải Nghĩa đề cập đến trước hết được trích dẫn bằng chữ in *ngiên đậm* của Câu Kinh Thánh Gốc trong Phần Kinh Thánh Căn chuyển ngữ. Sau đó Lời Giải Nghĩa giải thích ý nghĩa trong nguyên văn Hy-lạp một cách chi tiết và cũng cảnh giác người chuyển ngữ về các nan đề có thể có trong khi chuyển ngữ. Một sự giải thích đầy đủ hơn về một vài điểm phức tạp có thể được bao gồm trong lời phụ chú ở cuối sách này.

Các thông tin được chứa đựng trong các Lời Giải Nghĩa

Các Lời Giải Nghĩa chứa đựng các tin tức sau đây:

- Những vấn đề của đoạn kinh văn
- Ý nghĩa trong nguyên bản Hy-lạp
- Các cách giải thích khác
- Những nan đề về chuyển ngữ

Trong những trang kế sẽ giải thích về mỗi mục trên.

Những vấn đề của đoạn kinh văn

Không có một bản thảo Tân Ước Hy-lạp nào còn lại. Những bản Tân Ước Hy-lạp cũ nhất hiện có chỉ là những bản sao lại từ bản nguyên thủy/nguyên bản. Có một số khác biệt nhỏ giữa các bản sao với nhau. Một số bản thảo dùng một số từ riêng biệt, trong khi đó các bản thảo khác dùng từ hơi khác nghĩa một chút. Vì vậy phải quyết định xem từ nào có thể là từ mà tác giả dùng trong nguyên văn.

Học giả Kinh Thánh, những người nghiên cứu những bản thảo Tân Ước xưa hơn trong tiếng Hy-lạp, tin rằng chúng ta có thể biết chính xác đến 95 phần trăm những gì các bản thảo nguyên thủy Hy-lạp nói. Một hai chỗ có sự khác biệt trong bản văn, điều đó dẫn đến sự khác biệt trong ý nghĩa. Lời Giải Nghĩa chỉ bàn đến những điểm khác biệt trong bản văn có tầm quan trọng cho việc chuyển ngữ mà thôi.

Cách viết các từ Hy-lạp trong Lời Giải Nghĩa

Có một vài từ Hy-lạp được trích dẫn trong Lời Giải Nghĩa. Những chữ này được viết *ngiên*. Từ Hy-lạp được viết bằng mẫu tự La-tinh, ngoại trừ hai chữ được viết có dấu ở trên. Từ Hy-lạp *eta* được viết như *ē*. Hy-lạp *omega* được viết như *ō*.

Các từ và sự cấu trúc văn phạm của tiếng Hy-lạp rất khác với tiếng Việt. Hãy nhớ *Sách Giải Nghĩa* nhằm mục đích giúp cho người chuyển ngữ hiểu trọn ý nghĩa ở trong nguyên bản Hy-lạp.

Lời Giải Nghĩa, tiếp theo

Ý nghĩa trong nguyên bản Hy-lạp

Khi ý nghĩa của bản văn gốc không thể hiểu được rõ ràng hay khó hiểu đối với độc giả thời nay, Lời Giải Nghĩa sẽ có sự giải thích. Thí dụ như:

- Các từ hay các nhóm từ mà các tác giả trong Kinh Thánh dùng theo nghĩa bóng, như là các ẩn dụ, câu hỏi tu từ, và các thành ngữ.
- Các từ hay các nhóm từ có thể có nhiều hơn một ý nghĩa.
- Các quan niệm lạ không quen thuộc, như một số phong tục trong Kinh Thánh.
- Văn phạm không quen thuộc, không tự nhiên đối với tiếng Việt.
- Các câu tục ngữ và chuyện ngụ ngôn.

Các cách giải nghĩa khác

Một số câu hay đoạn Kinh Thánh có *cách giải nghĩa khác*. Một số học giả Kinh Thánh cho rằng câu này hay đoạn này có nghĩa như thế này, và một số học giả khác lại cho là có ý nghĩa khác.

Các Lời Giải Nghĩa không giải thích tất cả các ý khác nhau, nhưng chỉ giải thích những ý ảnh hưởng đến việc chuyển ngữ. Các bản dịch thường được tham khảo cho việc chuyển ngữ là Bản Dịch Mới, Bản Dịch Cũ, Bản Diễn Ý, Bản Công Giáo có sự giải thích khác nhau về cùng một vấn đề.

Cách trình bày các cách giải nghĩa khác nhau

Lời Giải Nghĩa luôn luôn liệt kê sự giải nghĩa hợp với ngữ cảnh nhất bằng con số (1). Sự đề nghị này dựa trên việc nghiên cứu cẩn thận đoạn Kinh Thánh và dùng các sách giải nghĩa Kinh Thánh cũng như các sách tham khảo khác. Những cách giải nghĩa khác được liệt kê dưới sự giải thích đầu tiên và đánh số (2), (3), ...v.v...

Thí dụ

Đây là một thí dụ về cách giải nghĩa có thể chấp nhận của 1 Giăng 4:2b:

4:2b

Chúa Cứu Thế Giê-su: Các học giả không đồng ý với nhau về chữ *Cứu Thế* là một phần của tên hay là tước vị có nghĩa là “Đấng Cứu Thế”:

- (1) Nhiều học giả nghĩ rằng chữ *Cứu Thế* là một phần của tên (BDC, BDY, BCG).
- (2) Một số học giả nghĩ rằng chữ *Cứu Thế* là một tước vị, và vì vậy câu đó có nghĩa là “Chúa Giê-su là Đấng Cứu Thế và Ngài đến thế gian như một con người” (BDM).

Đề nghị nên theo cách giải thích thứ nhất.

Lời Giải Nghĩa, tiếp theo

Các nan đề của việc chuyển ngữ

Khi có khó khăn trong việc dùng chữ để diễn tả ý nghĩa đối với ngôn ngữ của bạn vì sự khác biệt về ngôn ngữ hay văn hoá, chúng tôi cung cấp lời cố vấn về việc chuyển ngữ. Các nan đề trong việc chuyển ngữ gồm có:

- Cách nói tượng hình
- Quan hệ giữa các mệnh đề
- Thể thụ động
- Có thể sắp đặt lại thứ tự
- Lập lại
- Thể thơ
- Thông tin hàm ý

Thông tin hàm ý

Mục đích của Sách Giải Nghĩa là giúp đỡ bạn hiểu, sát nghĩa nhất, tất cả ý nghĩa của những đoạn kinh văn mà các đọc giả thời đó đã hiểu khi họ đọc đoạn kinh văn gốc.

Sự khác biệt về ngôn ngữ, bối cảnh văn hoá, và hoàn cảnh thường ngăn cản các đọc giả hiện đại hiểu được ý nghĩa nguyên thủy. Đôi khi tác giả giả định rằng đọc giả của ông đã hiểu các dữ kiện nhất định và vì vậy ông không nói đến trong đoạn kinh văn. Đôi khi phần quan trọng của ý nghĩa được hàm ý, đọc giả thời đó đã hiểu đúng ý nhưng có thể khó hiểu đối với đọc giả hiện đại. Khi cần phải có các thông tin hàm ý này để hiểu được đoạn văn, Sách Giải Nghĩa giải thích loại thông tin được hàm ý này.

Cách trình bày các cách chuyển ngữ khác nhau

Nếu trong Lời Giải Nghĩa có nhiều hơn một cách để trình bày ý nghĩa, những cách giải nghĩa khác sẽ đánh dấu bằng những chấm (●) thay vì bằng số. Làm như vậy để cho thấy rằng những cách giải nghĩa khác này có giá trị như nhau. Bạn có thể dùng theo cách nào phù hợp và tự nhiên với ngôn ngữ của bạn nhất, hay bạn có thể chọn một cách nào đó mà nó thích hợp hơn những cách được đề nghị. Dưới đây là một thí dụ trong sách Tích:

Các nan đề của việc chuyển ngữ, tiếp theo**3:2b**

nhưng phải tỏ sự hòa nhã: Trong bản Hy-lạp đây có nghĩa là “không đánh nhau”. Cùng một từ Hy-lạp này được dùng ở trong 1 Ti-mô-thê 3:3. Đây muốn nói đến một người thích cãi cọ, bất đồng ý kiến và gây lộn với người khác. Một Cơ Đốc nhân nên tránh sự tranh luận với người khác. Hai cách để chuyển ngữ ở đây:

- Theo cách tích cực:

Hãy bảo các con dân Chúa sống hoà thuận với nhau.

-HAY-

...sống với mọi người một cách hoà thuận.

- Theo cách tiêu cực: “không đánh nhau” hay “không tranh luận” [với người khác].

Cách sắp đặt các Lời Giải Nghĩa

Các sách trong Kinh Thánh được chia ra làm những Phân Đoạn, Tiểu Đoạn và Đoạn văn trong *Bộ Sách Giải Nghĩa*.

Phân Đoạn

Mỗi Phân Đoạn là một phần chính của sách. Mỗi Phân Đoạn mới được bắt đầu bằng một *chủ đề cho Phân Đoạn*. Câu tóm tắt chủ đề trong phần chính này của sách là được in trong một khung in đậm như sau:

Chủ Đề của Phân Đoạn

Dưới khung này có những lời tóm tắt tổng quát về ý nghĩa của toàn Phân Đoạn.

Tiểu đoạn

Mỗi tiểu đoạn được bắt đầu bằng *chủ đề của Tiểu Đoạn*. Chủ đề này tóm tắt ý tưởng chính trong Tiểu Đoạn hay nói đại ý về nội dung của Tiểu Đoạn.

Mỗi chủ đề được đặt trong một khung có nền xám và các cạnh khung lợt hơn khung của Phân Đoạn. Sau đây là một thí dụ:

Chủ đề của Tiểu Đoạn

Khung này được nối tiếp bằng lời giải nghĩa tổng quát chung cho cả Tiểu Đoạn.

Lời Giải Nghĩa, tiếp theo

Cách sắp đặt các Lời Giải Nghĩa, tiếp theo

Chủ đề của Tiểu Đoạn trong *Bộ Sách Giải Nghĩa* có thể giúp bạn chọn chủ đề của Tiểu Đoạn trong bản dịch của bạn. Bạn cũng nên tham khảo các chủ đề của Tiểu Đoạn trong các bản dịch khác và chủ đề được Sách Giải Nghĩa đề nghị. Hãy nhớ là các chủ đề này không phải là một phần của đoạn kinh văn nguyên thủy, vậy nên, bạn không cần phải chuyển ngữ chủ đề ở trong Sách Giải Nghĩa hay các bản dịch khác. Bạn nên tự đặt ra chủ đề cho bản dịch của bạn, như vậy nó sẽ giúp ích cho người đọc và nghe được tự nhiên hơn trong ngôn ngữ của bạn. Muốn viết chủ đề các tiểu đoạn, hãy theo những bước sau đây:

- (1) Nghiên cứu cả phần Kinh Thánh một cách cẩn thận. Sau đó nghĩ về chủ đề của Tiểu Đoạn Kinh Thánh.
- (2) Quyết định làm thế nào để trình bày chủ đề một cách tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn mà chỉ cần dùng một ít từ/một câu ngắn gọn. Chủ đề cần phải được vắn tắt.

Các Đoạn Văn

Sách Giải Nghĩa chia các Tiểu Đoạn thành các đơn vị nhỏ hơn gọi là các Đoạn Văn. Mỗi Đoạn Văn thường có khoảng từ 2 đến 5 câu. Mỗi Đoạn Văn được bắt đầu bằng một khung không có màu không có chữ chỉ có số đoạn và số câu. Thí dụ: Ê-xơ-tê chương 8 từ câu 5 đến câu 17 được trình bày như sau:

Đoạn Văn 8:5-17

Theo sau khung này là những lời giải nghĩa tóm tắt ý chính của Đoạn Văn. Thí dụ: Ê-xơ-tê 8:5-17:

Những câu này trái ngược với Ê-xơ-tê 4:1-3. Mạc-đô-chê mặc áo bào thay vì bao gai, và có sự vui mừng thay vì tang chế.

Các Đoạn Văn của Sách Giải Nghĩa thường đi đôi với các Đoạn Văn trong đoạn Kinh Thánh. Tuy nhiên, đôi khi bạn có thể nối hai, ba Đoạn Văn với nhau thành một Đoạn Văn trong bản dịch của bạn, nếu đó là điều cần thiết. Hay bạn có thể tách một Đoạn Văn ra làm mấy phần. Nói một cách khác, những đơn vị này *không bắt buộc phải* giống y như các Đoạn Văn của Kinh Thánh.

Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ

Sự Mô tả

Khung ở trên đầu về phía bên phải của mỗi trang giấy chứa đựng Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ (PKTCCN). Bạn nên dùng PKTCCN với Lời Giải Nghĩa của nó chặt chẽ với nhau. Làm như vậy sẽ giúp cho bạn hiểu rõ ý nghĩa của đoạn kinh văn bạn đang chuyển ngữ.

Mỗi câu trong đoạn kinh văn được in với *Câu Kinh Thánh Gốc (CKTG)* và *Câu Định Nghĩa (CDN)* thí dụ:

1:38b *Rồi thiên sứ rời khỏi Ma-ri.*
Rồi thiên sứ biến đi.

Câu Kinh Thánh Gốc

Trong Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ câu trên cùng gọi là Câu Kinh Thánh Gốc (thường là từ Bản Dịch Mới hay một bản nào khác sẽ có chú thích). Câu Kinh Thánh Gốc được **in đậm**.

Thỉnh thoảng có thêm một Câu Kinh Thánh Gốc thứ nhì từ bản dịch khác, hàng này cũng được **in đậm**. Thí dụ Công Vụ 18:10a:

18:10a **vì Ta ở với con. Không ai làm hại con được,**
(BCG) vì Thầy ở với con; không ai tra tay hại con
được,

Sắp Đặt Lại Thứ Tự Câu Kinh Thánh Gốc

Đôi khi thứ tự của các mệnh đề trong Câu Kinh Thánh Gốc được thay đổi thứ tự để có thể diễn tả ý nghĩa một cách rõ ràng hơn. Đây là một thí dụ sắp đặt lại thứ tự của Công Vụ 16:6a và b:

16:6 **Phái đoàn đi suốt vùng Phi-ri-gi và Ga-la-ti, vì**
Thánh Linh ngăn họ truyền giảng Đạo Chúa tại Tiểu
Á.

16:6A-B (*ĐƯỢC SẮP ĐẶT LẠI NHƯ SAU:*)

16:6b *Vì Thánh Linh ngăn họ truyền giảng Đạo Chúa tại Tiểu Á,*
Phao-lô và Si-la muốn rao giảng Tin Lành tại vùng Tiểu Á,
nhưng Đức Thánh Linh bảo họ không nên đi đến đó.

-HAY-

Họ đã có ý định đi đến vùng Tiểu Á để rao giảng sứ điệp [về Chúa Giê-su] ở tại đó, nhưng Đức Thánh Linh đã ngăn cản họ [đi đến đó].

16:6a *phái đoàn đi suốt vùng Phi-ri-gi và Ga-la-ti.*

Do đó Phao-lô và những người cộng tác của ông [bấy giờ] đi qua các vùng của xứ Phi-ri-gi và Ga-la-ti.

Nếu cần, dấu ngoặc vuông [] được dùng trong Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ để đánh dấu những chữ được thêm vào và giúp cho Câu Kinh Thánh Gốc Sắp Đặt Lại được rõ ràng như trong Công Vụ 16:6a-b ở trên.

Phần Kinh Thánh Cần Chuyển Ngữ, tiếp theo

Câu Định Nghĩa

Dưới Câu Kinh Thánh Gốc là Câu Định Nghĩa. Câu này bày tỏ ý nghĩa trực tiếp của câu Kinh Thánh theo cách dễ hiểu nhất. Thí dụ, câu này diễn tả ý của các câu thành ngữ hay cách nói tượng hình.

Đôi khi một Câu Định Nghĩa nữa được thêm vào để diễn tả cùng một ý nghĩa bằng một cách khác. Khi có nhiều Câu Định Nghĩa, từ **-HAY-** xuất hiện giữa hai câu để cho thấy là có cách khác để diễn tả cùng một ý. Thí dụ: Phần Kinh Thánh Cần Chuyển Ngữ của Công Vụ 1: 1b giống như thế này:

1:1b *tôi có tường thuật đầy đủ mọi điều Đức Giê-su đã thực hiện và giáo huấn từ lúc ban đầu*
 Tôi đã chọn và ghi rõ nhiều điều Chúa Giê-su đã dạy và đã làm
-HAY-
 Tôi đã kể lại rất nhiều việc Chúa Giê-su đã dạy bảo và đã thực hiện

Nếu có các cách giải thích khác nhau cho cùng một câu, chúng được liệt kê và giải thích trong Lời Giải Nghĩa chứ không có trong Phần Kinh Thánh Cần Chuyển Ngữ. Chỉ có cách giải thích đề nghị (cách đầu tiên) là được in trong Phần Kinh Thánh Cần Chuyển Ngữ.

Tin Tức Hàm Ý

Trong một vài trường hợp, để cho người đọc hiểu ý nghĩa của một câu, người đọc cần được cung cấp thêm tin tức. Trong trường hợp đó, Câu Định Nghĩa, được thêm tin tức hàm ý này trong ngoặc vuông [], để cho thấy rằng những tin tức được thêm vào này không có ghi rõ ràng trong nguyên bản.

Thí dụ:

1:6b *“Lạy Chúa, có phải đây là lúc Chúa khôi phục vương quốc cho Y-sơ-ra-ên không?”*
 “Thưa Chúa, bây giờ Chúa sẽ làm vua trên [chúng tôi và cả] dân Y-sơ-ra-ên như [Vua Đa-vít đã trị vì trong Cựu Ước?]”

Hãy nhớ là mục đích đầu tiên của Câu Định Nghĩa là để giúp cho bạn hiểu rõ phần kinh văn. Bạn là người quyết định cách chuyển ngữ ý nghĩa ấy và có nên thêm tin tức hàm ý hay không.

Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ, tiếp theo

Cách sắp đặt Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ

Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ được sắp đặt cùng một cách như Sách Giải Nghĩa

- Phân Đoạn,
- Tiểu Đoạn,
- Đoạn Văn.

Phân Đoạn

Hầu hết trong mọi trường hợp, chủ đề của những Phân Đoạn không tìm thấy trong Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ (PKTCCN). PKTCCN không có nhiều chủ đề, vì nó chỉ là một thí dụ cho một số chủ đề, có thể bạn muốn có trong bản dịch của bạn, một vài hình ảnh thay vì trình bày cho nguyên cả sách.

Tiểu Đoạn

Phần bắt đầu của một Tiểu Đoạn được đánh dấu trong Phần Kinh Thánh Căn Chuyển Ngữ giống ở trong các Lời Giải Nghĩa. Câu *chủ đề của Tiểu Đoạn* được in vào trong một khung in lợt và có nền màu xám:

Chủ đề của Tiểu Đoạn

Các Đoạn Văn

Các phần được bắt đầu bằng một dấu (¶) trong Câu Định Nghĩa. Dấu này xác nhận những chỗ bạn có thể bắt đầu một phần mới. Thí dụ:

1:1a *Chúng tôi là Phao-lô và Ti-mô-thê, tôi tớ của Chúa Cứu Thế Giê-su,*
 ¶ Thư này của Phao-lô và Ti-mô-thê, các đây tớ của Chúa Cứu Thế Giê-su, [tôi], Phao-lô

Thứ Tự Cần Phải Áp Dụng Trong Khi Chuyển Ngữ

Các bước cho mỗi sách	
Bước	Điều nên làm
1	Đọc suốt cả sách bạn định chuyển ngữ.
2	Đọc các phần, Giới Thiệu, Dàn Bài, và Tóm Tắt trong <i>Sách Giải Nghĩa Cho Người Chuyển Ngữ</i> . Làm như vậy, nó sẽ giúp bạn hiểu rõ mục đích, bối cảnh và nội dung của sách.

Các bước cần phải theo cho mỗi Tiểu Đoạn		
Bước	Hành động	Mô tả hành động
1	HÃY ĐỌC tiểu đoạn bạn sắp chuyển ngữ.	<ul style="list-style-type: none"> • Đọc kỹ tiểu đoạn trong ít nhất là hai bản dịch tiếng Việt khác nhau, thí dụ, Bản Dịch Mới (BDM), Bản Dịch Cũ (BDC) Bản Diễn Ý (BDY) và Bản Công Giáo (BCG). Nếu có một bản dịch nào khác có ngôn ngữ gần với ngôn ngữ của bạn, hay một ngôn ngữ nào đó mà bạn đọc viết và hiểu thông thạo, bạn nên đọc bản dịch đó.
2	HÃY NGHIÊN CỨU ý nghĩa của tiểu đoạn.	<ul style="list-style-type: none"> • Tìm chủ đề chính của tiểu đoạn. • Hãy suy nghĩ về sự liên hệ giữa tiểu đoạn này với các tiểu đoạn trước và sau. • So sánh với các bản dịch khác mà bạn đang có. • Ghi chú những chỗ có ý nghĩa không rõ ràng hay chỗ khó chuyển ngữ như cách nói tượng hình, câu hỏi tu từ hay sự khác biệt về văn hoá. • Dùng các sách giải nghĩa khác, nhất là <i>Sách Giải Nghĩa Cho Người Chuyển Ngữ</i>, để giải quyết những nan đề bạn tìm thấy.
3	HÃY SUY NGHĨ về cách bạn sẽ chuyển ngữ tiểu đoạn này sang ngôn ngữ của bạn.	<ul style="list-style-type: none"> • Suy nghĩ về cách bạn sẽ chuyển ngữ cho cả nguyên tiểu đoạn trước khi bạn bắt đầu. • Cố gắng chuyển ngữ liên tục suốt cả đoạn, không nên dừng lại sau mỗi câu. Làm như vậy sẽ giúp cho bản dịch của bạn được tự nhiên hơn. Bạn có thể sửa chữa bản văn cho chính xác sau đó. • Một số người chuyển ngữ tin rằng, việc nói vào máy ghi âm trước, rất giúp ích cho họ.
4	HÃY GHI xuống trên giấy	<ul style="list-style-type: none"> • Bắt đầu ghi xuống trên giấy bản dịch của tiểu đoạn. • Suy nghĩ tìm cách diễn tả ý nghĩa một cách rõ ràng hơn. Có thể cần đọc lại nhiều lần những gì bạn vừa ghi xuống. • Xét lại từng chi tiết trong bản dịch của bạn với các bản dịch tiếng Việt để xem các từ ngữ bạn vừa dùng có chính xác hay không. Điều quan trọng là bạn không nên đổi ý, thêm ý, hay bỏ qua một ý nào cả.
5	HÃY ĐỌC bản dịch của bạn.	<ul style="list-style-type: none"> • Đọc lớn tiếng tiểu đoạn bạn vừa dịch cho chính tai bạn nghe, để xem thử nó có được tự nhiên, rõ ràng, và dễ hiểu không? • Đọc tiểu đoạn bạn vừa chuyển ngữ cho vài người khác nghe và hỏi họ nghe có tự nhiên không. Nếu họ bảo không tự nhiên, thay đổi từ ngữ, cách dùng văn phạm, cho đến khi dễ hiểu và dễ đọc.

Các Nguyên Tắc Chuyển Ngữ Cần Phải Nhớ

Chuyển ngữ theo ý nghĩa

Việc quan trọng mà người chuyển ngữ cần phải luôn luôn để ý là:
*Tìm một từ **diễn đạt đúng ý nghĩa** của từ trong bản gốc.*

Không bao giờ nên chuyển ngữ theo từng từ một. Thay vào đó, bạn phải:

- Hiểu ý nghĩa đúng của bản gốc. Nghiên cứu cẩn thận để tìm chiều sâu của ý nghĩa mà bạn không ngờ tới.
 - Tìm cách diễn tả ý nghĩa ấy qua ngôn ngữ của bạn một cách chính xác, rõ ràng và tự nhiên.
-

Thay đổi thứ tự nếu cần

Có nhiều lúc bạn cần phải thay đổi thứ tự của các từ hay nhóm từ để truyền thông ý nghĩa sang ngôn ngữ của bạn cách rõ ràng. Tìm những thứ tự khác nhau để có thể diễn tả ý nghĩa rõ ràng và tự nhiên nhất.

Thay đổi chiều dài của câu

Có thể đôi khi bạn cần phải dùng mấy câu ngắn để chuyển ngữ một câu dài trong bản gốc. Có lúc bạn lại phải cần nối mấy câu ngắn lại với nhau. Bạn phải diễn tả ý nghĩa chính xác theo cách mà các người đọc thấy dễ hiểu nhất.

Làm sáng tỏ ý nghĩa của các thành ngữ và cách nói tượng hình

Cách để chuyển ngữ các *thành ngữ* hay *cách nói tượng hình* trong bản gốc được rõ ràng là chuyển ngữ theo ý nghĩa, không chuyển ngữ theo từng từ một; có nghĩa là bạn dùng cách nói nào đó trong ngôn ngữ của bạn để diễn đạt đúng ý nghĩa theo bản gốc. Đôi khi bạn nên dùng một thành ngữ hay cách nói tượng hình trong ngôn ngữ bạn nếu nó phù hợp với ý nghĩa của bản gốc, đó cũng là cách để truyền thông ý nghĩa của bản dịch gốc đến người đọc một cách rõ ràng.

Chúng Tôi Cần Ý Kiến Của Bạn

Điều gì có ích? Điều gì không có ích?

Chúng tôi mong muốn *Sách Giải Nghĩa Cho Người Chuyển Ngữ* có ích lợi thực tế cho người chuyển ngữ. Xin vui lòng cho chúng tôi biết:

- (a) những điều bạn tìm thấy trong *Sách Giải Nghĩa Cho Người Chuyển Ngữ* có ích lợi và bạn đang dùng nó, (kể cả các lời hướng dẫn), và....
- (b) những điều bạn nghĩ nên sửa đổi theo một cách nào khác vì bạn không dùng nó được. Chúng tôi hoan nghênh mọi nhận xét, phê bình và đề nghị của các bạn.

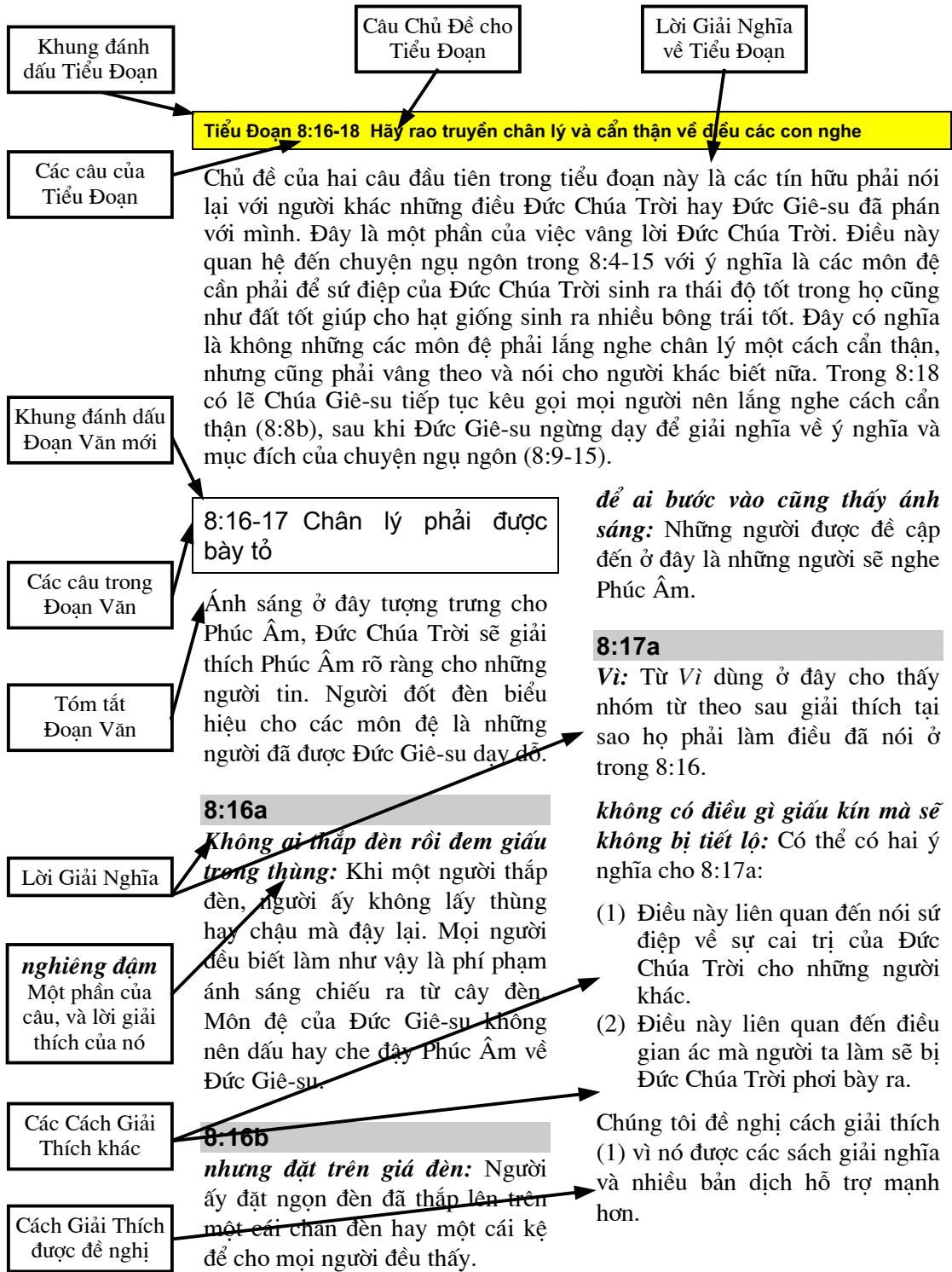
Chúng tôi cần bạn góp ý!

Người đón nhận ý kiến:

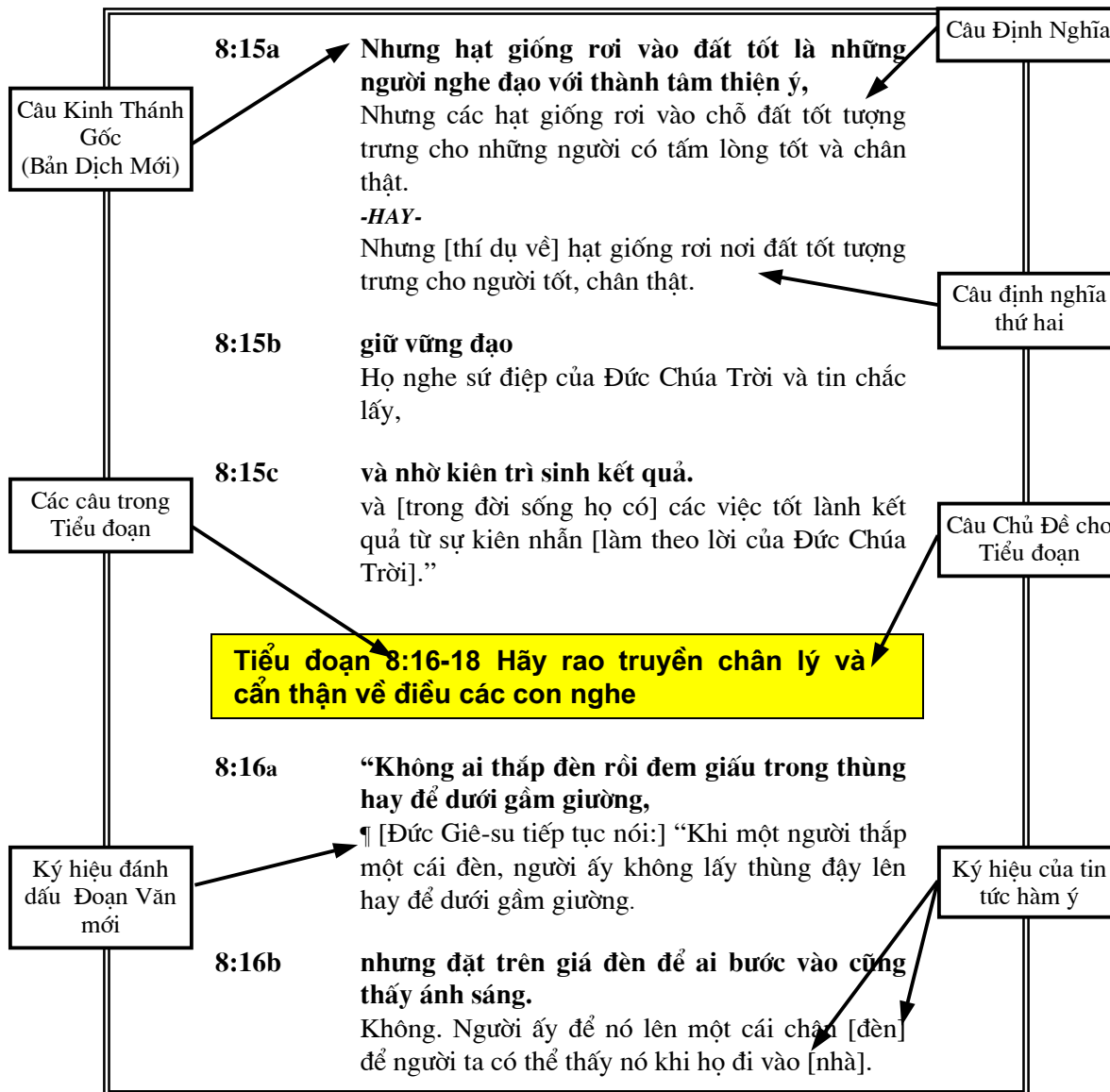
Xin vui lòng gửi ý kiến của bạn đến:

Bộ Sách Giải Nghĩa
Study Guides Press
P.O. Box 382006
Duncanville, Texas 75138
USA

CÁC THÀNH PHẦN CỦA SÁCH GIẢI NGHĨA



CÁC THÀNH PHẦN CỦA CÂU ĐỊNH NGHĨA



GIỚI THIỆU SÁCH PHI-LÊ-MÔN

Sứ đồ Phao-lô viết thư cho Phi-Lê-Môn cùng một lúc ông viết thư cho người Cô-lô-se (các con dân Chúa sống trong thành phố Cô-lô-se). Phao-lô đang ở trong tù, có lẽ tại La-mã, khi ông viết hai lá thư này. Phao-lô có thể đã giao cả hai lá thư này cho Ô-nê-sim và Ty-chi-cơ đem tới Cô-lô-se. Lúc này vào khoảng 30 hay 35 năm sau khi Chúa Giê-su Cơ Đốc chết.

Phao-lô viết thư này cho Phi-lê-môn, có lẽ ông là một người Hy-lạp sống trong thành phố Cô-lô-se. Phao-lô đã gặp Phi-lê-môn và nói cho ông biết về Phúc Âm (c. 19). Kết quả là, Phi-lê-môn đã tiếp nhận Đức Cơ Đốc và hội nhập với các con dân Chúa tại Cô-lô-se.

Phi-lê-môn có một người nô lệ, tên là Ô-nê-sim. (Cô-lô-se 4:9 cho thấy Ô-nê-sim, cũng là một người Hy-lạp, ở Cô-lô-se.) Ô-nê-sim đã trốn chủ mình và đi đến La-mã. Tại đó Ô-nê-sim gặp Phao-lô, người giúp đỡ nó trở thành tín đồ (c. 10). Và Ô-nê-sim đã giúp đỡ Phao-lô trong khi ông ở tù. Có vẻ như Phao-lô đề nghị Ô-nê-sim nên trở về với chủ mình, nhưng Ô-nê-sim sợ không dám làm điều này. Khi người nô lệ bỏ chủ trốn đi đó là một tội nặng. Theo luật La-mã, những người chủ này có thể giết người nô lệ nếu họ bắt được. Vì thế Phao-lô viết thư này xin Phi-lê-môn tiếp nhận Ô-nê-sim lại như một anh em trong Chúa (c. 16), và đừng trừng phạt nó.

Phao-lô không nhắc tới Ô-nê-sim ở đoạn mở đầu của thư. Trước hết Phao-lô nhắc cho Phi-lê-môn nhớ là ông và Phao-lô là bạn với nhau. Cả hai cùng theo Đức Cơ Đốc và như vậy Phao-lô có thể yêu cầu Phi-lê-môn làm một điều gì đó cho ông. Sau này Phao-lô cho biết điều ông muốn Phi-lê-môn làm cho ông: ông muốn Phi-lê-môn tiếp nhận Ô-nê-sim trở lại. Vì vậy ông viết thư này để thuyết phục Phi-lê-môn làm theo điều ông xin. Trong các câu 4-7, ông nói tốt cho Phi-lê-môn như một người bạn trong Đức Cơ Đốc. Trong các câu 8-11, ông xin Phi-lê-môn giúp đỡ Ô-nê-sim. Trong các câu 12-19, ông giải thích tại sao tiếp nhận lại Ô-nê-sim là một điều tốt. Và trong các câu 20-21 ông cho thấy rõ là ông mong đợi Phi-lê-môn đồng ý với ông.

PHONG TỤC VỀ NÔ LỆ

Người nô lệ là người thuộc về một người khác, tức là người chủ của họ. Người chủ bảo người nô lệ điều họ phải làm và có thể trừng phạt họ nếu họ không vâng lời. Người chủ không trả công cho người nô lệ, nhưng cung cấp thức ăn, quần áo và chỗ ở. Ở một vài nước, người ta có thể mua hay bán nô lệ giống như mua bán súc vật. Những người nô lệ thường không được luật pháp bảo vệ như các công dân khác.

Phong tục nô lệ bắt đầu từ hàng ngàn năm trước. Đôi khi người ta không trả nợ được, họ làm nô lệ cho người chủ nợ. Đôi khi đàn bà và trẻ con cũng bị bán làm nô lệ. Con cái sanh ra khi cha mẹ làm nô lệ cũng trở thành nô lệ. Những người bị bắt trong chiến tranh cũng bị làm nô lệ. Trong nhiều nền văn hóa, người nô lệ chỉ được tự do khi người chủ muốn thả. Khi người chủ làm như vậy, người nô lệ thường phải trả tiền chuộc.

Phao-lô và Phê-rô chỉ bảo các nô lệ đã trở thành con dân Chúa trong các thư tín của họ trong Tân Ước (TU) (Xem 1 Cô-rinh-tô 7:21-23, Ê-phê-sô 6:5-6, 1 Phê-rô 2:18).

LỜI GIẢI NGHĨA SÁCH PHI-LÊ-MÔN

DÀN BÀI CỦA SÁCH

Chỉ có một chương trong thư của Phao-lô viết cho Phi-lê-môn. Thư này có thể chia ra làm 4 tiểu đoạn:

Tiểu Đoạn	Câu
1. Lời chào thăm	1-3
2. Phao-lô cảm ơn Chúa về Phi-lê-môn và cầu nguyện cho ông.	4-7
3. Phao-lô xin Phi-lê-môn nhận lại Ô-nê-sim, người nô lệ bỏ trốn.	8-21
4. Những lời chào thăm và tạm biệt	22-25

TÓM TẮT SÁCH

Trong thư này Sứ đồ Phao-lô viết cho bạn của ông là Phi-lê-môn và xin ông tiếp nhận lại Ô-nê-sim người nô lệ của ông đã bỏ trốn. Trong lúc xa chủ, Phao-lô đã giúp Ô-nê-sim tiếp nhận Đức Cơ Đốc. Vậy nên khi trở lại với Phi-lê-môn, Ô-nê-sim không những chỉ là một nô lệ nhưng cũng là một anh em trong Chúa. Cách Phao-lô yêu cầu làm cho Phi-lê-môn không thể từ chối được.

CHỦ ĐỀ CỦA SÁCH

Trong Bản Dịch Mới (BCM), chủ đề của thư này là “Thư của Phao-lô gửi cho Phi-lê-môn.” Chủ đề này cũng có thể dịch là *Thư Phao-lô viết cho Phi-lê-môn*, hay *Thư Phao-lô gửi cho Phi-lê-môn*. Một số ngôn ngữ cần một câu đầy đủ để làm chủ đề. Thí dụ: *Đây là thư Phao-lô viết cho Phi-lê-môn*, hay *Đây là điều Phao-lô viết cho Phi-lê-môn*.

Tiểu Đoạn 1-3 Lời chào thăm

Trong thời Tân Ước (TU) khi người ta viết thư, họ thường bắt đầu bằng ba điều. Thứ nhất họ sẽ đề tên của người viết lá thư. Sau đó họ viết tên người nhận thư. Và sau đó họ gửi lời chào thăm trong Chúa. Thư này gửi cho Phi-lê-môn có ba phần, gọi là:

- Tên của người viết thư: Phao-lô (c. 1)
- Tên của người nhận thư: Phi-lê-môn (c. 1)
- Lời chào thăm trong Chúa (c. 3)

Bản dịch mà bạn đang dịch có thể sẽ dễ đọc hơn nếu bạn viết thụt vào ở hàng đầu của mỗi phần, giống như trong BDM.

Để ý cẩn thận cách sắp đặt các chi tiết trong bản dịch của bạn. Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ. Trong ngôn ngữ của bạn, cách bắt đầu lá thư thường là gì? Làm thế nào để bạn theo kiểu đó mà vẫn bao gồm được ba phần của đoạn mở đầu trong thư của Phao-lô? Bạn cần phải giữ tất cả những điều viết trong phần mở đầu. Thí dụ, đừng bỏ tên của Phao-lô trong phần mở đầu mặc dầu trong ngôn ngữ của bạn tên người viết thư thường được để ở cuối thư. Một khi bạn đã chọn được cách tốt nhất, hãy nhất trí dùng cách căn bản ấy trong suốt bản dịch thư của Phao-lô.

Hãy đọc các câu 1-3 cẩn thận trong Bản Dịch Mới (BDM), Bản Dịch Cũ (BDC) và Bản Diễn ý (BDY). Sau đó đọc các Lời Giải Nghĩa sau đây trước khi bạn dịch.

1a

Phao-lô: Sứ đồ Phao-lô viết thư này. Ông bắt đầu bằng cách xưng tên ông. Trong bản Hy-lạp ở đây không có động từ. Nhưng nhiều ngôn ngữ cần phải có một câu đầy đủ và vì vậy có thể cần phải thêm một động từ vào đây. Phao-lô đang viết thư này cho Phi-lê-môn, vậy nên có thể dùng động từ “viết” hay động từ “chào thăm” ở đây.

Trong một vài ngôn ngữ sẽ không có vẻ tự nhiên khi dùng ngôi thứ ba số ít để nói đến chính mình. Thí dụ, Phao-lô nói, “Phao-lô viết thư này cho anh.” Trong trường hợp như vậy, có thể dùng ngôi thứ nhất số ít ở đây: “Tôi, Phao-lô, đang viết thư này.”

một tù nhân của Đức Cơ Đốc Giê-su: Phao-lô đang nói, “tôi ở trong tù bởi vì tôi làm việc cho Đức Cơ Đốc Giê-su.” Khi viết thư này Phao-lô đang ở trong tù. Nhưng đó không phải là vì ông làm điều gì bậy. Người ta bỏ ông vào tù vì ông giảng Phúc Âm về Đức Cơ Đốc Giê-su. Những người không tin như vậy không thích sứ điệp của ông, vì vậy họ bỏ ông vào tù.

Đức Cơ Đốc Giê-su: Từ *Đức Cơ Đốc Giê-su* là một từ mới, trong BDC được dịch là *Đức Jê-sus Christ*. Hãy xem mục số 9 trong phần Hướng Dẫn có phần giải thích về từ này ở trong BDM.

Trong TU từ *Đức Cơ Đốc Giê-su* thường được viết là *Đức Giê-su Cơ Đốc* như trong câu 3. Viết cách nào cũng có cùng một ý nghĩa. Nếu người đọc bản dịch sẽ nghĩ Đức Cơ Đốc Giê-su là một người khác với “Đức Giê-su Cơ Đốc” bạn có thể cần phải dùng thứ tự quen thuộc “Đức Giê-su Cơ Đốc” ở đây nữa.

1b

Ti-mô-thê: Ti-mô-thê cũng gửi lời chào thăm Phi-lê-môn. Ông là bạn thân của Phao-lô, người làm việc cho Chúa Giê-su giống như ông Phao-lô đã làm vậy. Theo như điều chúng ta biết, Ti-mô-thê không giúp Phao-lô viết thư này. Nhưng ông ở với Phao-lô lúc Phao-lô viết thư này, và ông cũng muốn gửi lời chào thăm Phi-lê-môn nữa.

anh em: Từ *anh em* ở đây ám chỉ một tín hữu. Tới đây chúng ta biết, Phao-lô, Ti-mô-thê và Phi-lê-môn không có bà con với nhau. Ti-mô-thê là một tín hữu trẻ tuổi, một anh em trong Chúa của Phao-lô cũng như của Phi-lê-môn và các con dân Chúa khác ở thành Cô-lô-se.

Từ “anh em” được dùng giữa các con dân Chúa có nghĩa họ là anh, chị, em thuộc linh bởi vì họ là con cái Đức Chúa Trời (trong Bản Diễn Ý (BDY): “...và Ti-mô-thê là một anh em trong Chúa”). Họ liên hệ mật thiết với nhau theo ý nghĩa này.

Có lẽ bạn có thể dùng từ “anh em” cho những con dân Chúa là đàn ông và “chị em” cho những con dân Chúa là đàn bà (giống như trong câu 2). Hay có lẽ một từ có thể dùng cho cả đàn ông và đàn bà (giống như từ “siblings” trong tiếng Anh ám chỉ cả phái nam lẫn phái nữ không biệt tuổi tác). Nếu “anh em” chỉ có nghĩa là một người thân trong gia đình trong ngôn ngữ của bạn và không ai hiểu liên hệ thuộc linh ở đây, phân ghi chú ở cuối trang có thể giải thích các con dân Chúa dùng từ này như thế nào. Hay có lẽ bạn có thể dùng một từ khác chỉ liên hệ huyết thống.

1c

Phi-lê-môn là nhân vật chính mà Phao-lô viết thư này cho. Phi-lê-môn sống trong thành phố Cô-lô-se. Ông là một nhân vật quan trọng và có lẽ giàu có. Ông cũng là chủ của người nô lệ Ô-nê-sim. Phao-lô đã giúp Phi-lê-môn trở thành tín hữu. (xem c. 19).

thân mến: Từ Hy-lạp dùng ở đây có nghĩa là “yêu quý.” Cả hai Phao-lô và Ti-mô-thê đều rất yêu quý Phi-lê-môn. Bạn có thể dịch ở đây là “Chúng tôi yêu quý anh lắm.”

đồng lao: Cụm từ *người đồng lao* có nghĩa là Phi-lê-môn đã giúp rao giảng Phúc Âm giống như Phao-lô và Ti-mô-thê đã làm. Có lẽ ông không làm việc cùng một chỗ với Phao-lô.

2

chị A-phi...A-chíp...hội thánh: Những người này được kể đến trong lời chào thăm,

Tiểu Đoạn 1-3 Lời Chào Thăm

- 1a** **Phao-lô, tù nhân của Đức Cơ Đốc Giê-su**
[Tôi, Phao-lô, đang viết thư này] Tôi đang bị tù [bởi vì tôi giảng về] Đức Cơ Đốc Giê-su.
- 1b** **và Ti-mô-thê là một anh em,**
Tôi và Ti-mô-thê một tín hữu của chúng ta chào thăm anh, Phi-lê-môn.
- 1c** **Kính gửi anh Phi-lê-môn thân mến và đồng lao của chúng tôi,**
Chào thăm anh là người bạn thân mến và anh làm việc [cho Đức Cơ Đốc] giống như chúng tôi làm.
- 2a** **Chị A-phi, người chị của chúng tôi,**
[Chúng tôi chào thăm] chị A-phi, người chị chúng ta trong Chúa.
-HAY-
[Chào thăm] chị A-phi, người giống như chị của chúng ta.
- 2b** **anh A-chíp, chiến hữu của chúng tôi,**
[Chúng tôi cũng chào thăm] anh A-chíp, người giảng [Phúc âm] cách mạnh mẽ với chúng tôi.
- 2c** **cùng hội thánh họp tại nhà anh.**
Chúng tôi cũng [chào thăm] các con dân Chúa thờ phượng Chúa ở nhà anh.

nhưng lá thư chính là dành cho Phi-lê-môn. Bắt đầu câu 4, Phao-lô viết trực tiếp cho Phi-lê-môn. Ngay cả nếu trong bản dịch của bạn dùng ngôi thứ hai để gọi Phi-lê-môn, có lẽ bạn nên nhắc đến những người này bằng ngôi thứ ba. Thí dụ, “Chúng tôi gửi lời chào thăm chị A-phi...,” hay “Gửi lời chào thăm của chúng tôi đến chị A-phi... .” Trong thí dụ này chị A-phi có thể không có mặt ở đó, có thể trong ngôn ngữ của bạn phải dùng ngôi thứ ba để chỉ rõ điều này.

A-phi là cách viết mới của tên Áp-bi trong BDC. A-chíp là cách viết mới của tên Hà-chíp trong BDY.

2a

người chị: Phao-lô cũng chào thăm chị A-phi. *A-phi người chị của chúng tôi* có nghĩa chị A-phi là một tín hữu trong Đức Cơ Đốc. Chị A-phi chứ không phải có cùng một cha mẹ với Phao-lô và Phi-lê-môn. Xem Lời Giải Nghĩa về *anh em* trong câu 1b.

2b

chiến hữu: Phao-lô cũng chào thăm A-chíp. *Anh A-chíp chiến hữu của chúng tôi* có nghĩa là A-chíp nói về Đức Cơ Đốc cách mạnh mẽ khi người ta chống lại Phúc Âm, giống như một người lính chiến đấu cho quốc gia của mình. (Xem Cô-lô-se 4:17, I Giăng 2:14) Nhưng đây không nói ông là lính thật. A-chíp không phải là lính trong quân đội.

của chúng tôi: Trong nguyên bản Hy-lạp dùng thể số nhiều nhưng không rõ là Phao-lô muốn nói đến *chúng ta* hay *chúng tôi*. Có thể dùng chữ nào cũng được. BDM dùng “chúng tôi.”

2c

hội thánh: Phao-lô cũng chào thăm các con dân Chúa nhóm tại nhà của Phi-lê-môn. Họ nhóm lại thường xuyên với Phi-lê-môn để thờ phượng Chúa. Các con dân Chúa không

có nhà thờ như bây giờ. Họ nhóm ở các tư gia.

nhà anh: Đây ám chỉ nhà ở của Phi-lê-môn.

3

Nguyện xin Đức Chúa Trời, Cha chúng ta và Chúa Giê-su Cơ Đốc ban ân sủng và bình an cho anh chị em: Nhiều người dùng câu chào thăm trong Chúa này (c. 3) trong thời kỳ khởi đầu của Cơ Đốc Giáo. Giống như lời Phao-lô cầu nguyện, xin Đức Chúa Trời ban phước cho những người ông đang viết thư cho.

Nguyện xin...và bình an: Đây là một lời chào và chúc phước Phao-lô thường dùng để chúc phước cho người ông viết thư cho. Xem 1 Cô-rinh-tô 1:3, Ga-la-ti 1:3, Ê-phê-sô 1:2.

Đức Chúa Trời, Cha chúng ta: Đối với các con dân Chúa, Đức Chúa Trời giống như người cha, người yêu mến và chăm sóc chúng ta.

Chúa: Thông thường từ *Đức* được thêm vào để tỏ sự kính trọng khi ở trong nguyên bản Hy-lạp chỉ có tên Giê-su không mà thôi. Từ *Chúa* được dùng ở đây có nghĩa “chủ” hay “người lãnh đạo.” *Chúa Cơ Đốc Giê-su* là người chỉ huy thuộc linh của chúng ta, và là Đấng chúng ta các con dân Chúa phải vâng lời.

ân sủng: Từ *ân sủng* có nghĩa là “sự tử tế” hay “ân huệ.” Phao-lô đang xin Đức Chúa Trời bày tỏ sự tử tế và ân huệ cho những người ông đang viết thư cho.

bình an: Phao-lô muốn nói “bình an trong lòng,” kết quả từ việc có sự bình an với Đức Chúa Trời. Nó hàm ý “bình an với nhau.”

cho anh chị em: Từ *anh chị em* ở đây số nhiều và bao gồm tất cả mọi người được nhắc đến ở hai câu trước vì có cả đàn bà trong các hội thánh tư gia. Trong BDC dùng từ *anh em*.

Tiểu Đoạn 4-7 Phao-lô cảm ơn Chúa về Phi-lê-môn và cầu nguyện cho ông.

Sau khi Phao-lô đã chào thăm Phi-lê-môn và các bạn hữu của ông, ông cảm tạ Đức Chúa Trời về Phi-lê-môn và cầu nguyện cho ông. Đây là cách ông bắt đầu đa số các thư của ông. Về các thí dụ khác xem trong Phi-líp 1:3-11 và Cô-lô-se 1:3-14. Trước khi xin Phi-lê-môn làm một việc, Phao-lô muốn Phi-lê-môn biết ông yêu mến và kính trọng Phi-lê-môn nhiều như thế nào. Ông cảm ơn Đức Chúa Trời vì Phi-lê-môn có đức tin nơi Chúa Giê-su, và bởi vì ông yêu mến con dân Chúa. Tình yêu thương này đã đem lại cho Phao-lô sự vui mừng lớn lao. Và Phao-lô cầu nguyện cho sự quan hệ của Phi-lê-môn với các con dân Chúa khác sẽ gia tăng và trở nên sâu xa hơn, bởi vì Phi-lê-môn biết những điều tốt đẹp Chúa đã ban cho các con dân Chúa.

Bây giờ Phao-lô viết trực tiếp cho Phi-lê-môn. Ông chỉ dùng chữ “anh” trong các câu 4-21, chứ không phải “các anh chị em” như ông dùng ở phần đầu và cuối của thư.

Hãy đọc các câu 4-7 cẩn thận trong BDM, BDC và BDY, và sau đó đọc các Lời Giải Nghĩa sau đây trước khi dịch.

4

Câu 4 có thể có hai ý nghĩa:

(1) Mỗi lần tôi cầu nguyện cho anh tôi cảm ơn Đức Chúa Trời (về anh).

(2) Mỗi lần tôi cầu nguyện tôi cảm ơn Đức Chúa Trời về anh.

Có lẽ Phao-lô thật muốn nói theo ý nghĩa thứ nhất.

Đức Chúa Trời tôi: Điều này có nghĩa là “Đức Chúa Trời tôi biết và thuộc về và thờ phượng.” Phao-lô đã có một quan hệ cá nhân với Đức Chúa Trời. Trong một vài ngôn ngữ nếu dịch đúng từng chữ cụm từ “Đức Chúa Trời của tôi” có thể sẽ làm người

- 3** **Nguyện xin Đức Chúa Trời, Cha chúng ta và Chúa Giê-su Cơ Đốc ban ân sủng và bình an cho anh chị em.**
 Tôi cầu xin Đức Chúa Trời Cha của chúng ta và Đức Giê-su Cơ Đốc Chúa [của chúng ta] ban phước cho các anh chị em và khiến cho anh chị em có sự bình an [trong lòng].

Tiểu Đoạn 4-7 Phao-lô cảm ơn Chúa về Phi-lê-môn và cầu nguyện cho ông.

- 4** **Tôi luôn tạ ơn Đức Chúa Trời tôi mỗi khi nhớ đến anh trong lời cầu nguyện,**
 Mỗi khi tôi cầu nguyện cho anh, tôi luôn luôn cảm ơn Đức Chúa Trời [Đấng] tôi [thờ phượng,]
- 5** **vì được nghe nói về đức tin của anh nơi Chúa Giê-su và tình yêu thương anh bày tỏ cho tất cả các thánh đồ.**
 bởi vì người ta nói với tôi rằng anh [tiếp tục] tin nơi Chúa Giê-su và anh yêu mến tất cả các con dân Chúa.

đọc hiểu nghĩa sai. Xem xét cẩn thận về điểm này.

nhớ: Phao-lô có ý nói là khi ông cầu nguyện, ông “đề cập đến” Phi-lê-môn với Đức Chúa Trời. Tức là ông “cầu nguyện cho” Phi-lê-môn. Hãy cẩn thận đừng dùng chữ “lại” hàm ý ông đã quên Phi-lê-môn và sau đó nhớ lại ông.

5

Chính Phao-lô đã dẫn Phi-lê-môn tin Chúa Giê-su. Nên ở đây Phao-lô đang cảm tạ Đức Chúa Trời bởi vì người ta đã bảo ông rằng Phi-lê-môn tiếp tục có đức tin nơi Chúa Giê-su và ông yêu mến tất cả con dân Chúa. Từ *vì* (BDM) cho thấy rằng đức tin của Phi-lê-môn và tình yêu thương (c. 5) là lý do mà Phao-lô cảm ơn Đức Chúa Trời về Phi-lê-môn (c. 4). Trong BDC các từ: tình yêu thương, đức tin, Chúa Giê-su, các thánh đồ đi cùng với nhau không rõ ràng. Trong BDM

và BDY có ý nghĩa rõ rệt: đức tin anh có trong Chúa Giê-su và tình yêu thương anh có đối với các con dân Chúa.

đức tin của anh trong Chúa Giê-su: Anh tin nơi Chúa Giê-su.

đức tin: Điều này có nghĩa là “niềm tin” hay “sự tin cậy.” Phao-lô vui khi nghe là Phi-lê-môn tiếp tục tin rằng Chúa Giê-su là Chúa Cứu Thế. Và ông tin cậy là Chúa Giê-su cứu ông khỏi tội lỗi.

tình yêu thương anh bày tỏ cho các thánh đồ: Anh yêu mến tất cả các thánh đồ.

tình yêu: Từ Hy-lạp *agapē* ở đây có nghĩa là một người yêu một người hay nhiều người khác. Phi-lê-môn thật lòng yêu mến các con dân Chúa.

các thánh đồ: Từ Hy-lạp *hagious* (dịch từng chữ “các thánh”) ở đây chỉ các tín hữu, những người thuộc về Đức Chúa Trời.

6

Dịch từng chữ câu 6 sẽ là:

rằng sự chia sẻ đức tin của anh [hay có thể hiểu là rằng tình giao hảo trong về đức tin của anh] có thể trở nên có hiệu năng trong sự nhận thức mọi việc tốt lành trong chúng ta trong cho Đức Cơ Đốc.

Câu này có thể hiểu bằng nhiều cách khác nhau và, kết quả là, trong các bản dịch nó được dịch ra cách khác nhau. Đây là ba cách dịch khác có thể chọn lựa được:

- (1) *Sự chia sẻ* (Từ Hy-lạp: *koinōnia*) có nghĩa là chia sẻ với các tín hữu khác điều mà tất cả mọi người tin. Như vậy có một sự gắn bó chung trong tình giao hảo với họ. Phao-lô cầu xin rằng tình giao hảo Phi-lê-môn có với các tín hữu khác có thể gia tăng do sự hiểu biết tất cả các điều tốt lành Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta là con dân Chúa.
- (2) *Sự chia sẻ* có thể dịch là Phi-lê-môn *chia sẻ* đức tin của ông với những người khác, nghĩa là, ông nói với những người khác về sứ điệp của Phúc Âm ông tin tưởng (BDM). Câu “anh hiểu hết mọi điều tốt lành” có thể ám chỉ đến những kết quả của sự chia sẻ đức tin của ông. Các kết quả này có thể được hiểu trong nhiều cách chứ không phải chỉ bằng một cách. BDM dịch câu này là “khi Phi-lê-môn chia sẻ đức tin của ông cách có hiệu năng đến nỗi ông sẽ hiểu biết mọi điều tốt lành dành cho chúng ta trong Đức Cơ Đốc.” Một bản dịch khác dịch đoạn này theo nghĩa Phao-lô cầu xin rằng lời nói của Phi-lê-môn sẽ trở nên có hiệu năng khi ông chia sẻ đức tin, khi những người nghe thấy mọi việc tốt lành mà Đức Giê-su Cơ Đốc đã làm trong đời sống các tín hữu.

Cũng có những cách khác được đề nghị để dịch câu này. Tuy nhiên, cách dịch đầu tiên có vẻ thích hợp nhất với mục đích của bức thư. Phao-lô đang chuẩn bị Phi-lê-môn cho việc ông yêu cầu vì có một anh em trong Chúa, là Ô-nê-sim. Phao-lô có lẽ đang suy nghĩ về cách Phi-lê-môn có thể giúp đỡ cho Ô-nê-sim. Phao-lô đang làm điều này bằng cách xin Phi-lê-môn suy nghĩ về các điều tốt

lành đã được ban cho chúng ta vì là con dân Chúa, kể cả người nô lệ mới cải đạo của ông.

Toàn câu, theo như cách dịch (1) ở trên, có thể được dịch như ở trong khung cho câu 6:

Tôi cầu xin rằng sự quan hệ anh có với những người tin giống như anh tin có thể gia tăng/sâu xa qua sự hiểu biết của anh về tất cả các điều tốt lành mà Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta. Nguyên nhân xin điều này xảy ra vì sự vinh hiển của Đức Cơ Đốc.

Toàn câu này có thể dịch cách khác, theo cách dịch (2) ở trên, có thể được dịch như sau:

Tôi cầu xin rằng anh sẽ tích cực chia sẻ đức tin, đến nỗi anh sẽ có sự hiểu biết trọn vẹn về mọi điều tốt lành Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta, và điều này sẽ kết quả trong việc người ta tôn vinh Đức Cơ Đốc.

Cụm từ Hy-lạp *eis Christon* được dịch (trong những cách khác) như là “trong Đức Cơ Đốc,” “vì có Đức Cơ Đốc,” hay “cho Đức Cơ Đốc.” Có hai cách dịch nhiệm vụ của từ *eis* trong câu này:

- (1) Từ *eis* có liên hệ đến động từ “trở nên có hiệu năng.” Có nghĩa là mục đích của sự trở nên có hiệu năng là để tôn vinh Đức Cơ Đốc. Cũng có thể nói là: “Xin điều này xảy ra vì có Đức Cơ Đốc,” hay “Điều này sẽ đem lại vinh dự cho Đức Cơ Đốc,” hay “Điều này sẽ khiến người ta ngợi khen Đức Cơ Đốc.”
- (2) Từ Hy-lạp *eis* liên hệ đến câu *những điều tốt đẹp* và có ý nghĩa “mọi điều tốt lành là của chúng ta bởi vì chúng ta hiệp một trong Đức Cơ Đốc,” hay “bởi vì chúng ta tin nơi Đức Cơ Đốc.”

7a

Thật vậy: Cấu trúc văn phạm trong nguyên bản Hy-lạp nhấn mạnh Phao-lô vui mừng đến độ nào, để chỉ sự nhấn mạnh ở đây BDM dùng *thật vậy*. Trong CĐN chỉ dùng *tôi rất vui* để nhấn mạnh điều Phao-lô muốn nói.

- 6** **Tôi cầu xin rằng sự chia sẻ do đức tin của anh sẽ trở nên hữu hiệu nhờ anh nhận thức được tất cả những điều tốt đẹp mà chúng ta có trong Đức Cơ Đốc.**
 Tôi cầu xin rằng sự quan hệ anh có với những người tin [giống như anh tin] có thể gia tăng/sâu xa [qua] sự hiểu biết [của anh] về tất cả các điều tốt lành [mà Đức Chúa Trời] đã ban cho chúng ta. [Nguyễn xin điều này xảy ra] vì [sự vinh hiển của] Đức Cơ Đốc.
- HAY-**
 Tôi cầu xin rằng [anh có thể] quan hệ nhiều hơn nữa với những người tin và biết tất cả những điều tốt lành mà Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta. Tôi cầu xin điều này để người ta tôn vinh Đức Cơ Đốc.
- 7a** **Thật vậy thưa anh, tình thương yêu của anh đã đem lại cho tôi niềm vui mừng lớn lao và an ủi,**
 Thưa anh, tôi rất vui và được khuyến khích bởi vì anh yêu mến [các con dân Chúa]
- 7b** **và vì anh đã làm tươi mát lòng các thánh đồ.**
 và vì anh đã làm lòng con dân Chúa tươi mới!

thưa anh: Xem câu 1b.

tình thương yêu của anh: Phi-lê-môn đang bày tỏ tình yêu thương với con dân Chúa. Điều này đề cập đến tình yêu thương mà Phao-lô cảm ơn Đức Chúa Trời trong câu 5.

an ủi: Khi Phi-lê-môn bày tỏ tình yêu thương với các con dân Chúa, điều này làm đức tin của Phao-lô mạnh mẽ và làm ông cảm thấy dễ chịu hơn trong lúc ở tù.

7b

vì anh đã làm tươi mát lòng các thánh đồ: Phao-lô rất hạnh phúc bởi vì Phi-lê-môn làm con dân Chúa hạnh phúc.

vì: Câu 7b giải thích hành động đặc biệt về tình yêu thương mà Phao-lô đang

nghĩ đến khi ông đề cập tới tình yêu thương của Phi-lê-môn trong câu 7a.

làm tươi mát: Điều này có nghĩa là khiến được nghỉ ngơi, làm cho thấy dễ chịu hơn, được hạnh phúc, có sự can đảm mới, khuyến khích.

lòng các thánh đồ: Câu này đề cập đến cách con dân Chúa cảm thấy trong lòng, trong linh hồn. Câu 7 có thể dịch bằng hai cách khác nhau:

Thưa anh, anh yêu thương con dân Chúa và anh làm cho họ hạnh phúc. Điều này cho tôi sự vui mừng và an ủi lớn lao.

-HAY-

Thưa anh, anh yêu thương các tín hữu ở đó và điều đó làm cho tôi vui mừng lớn. Nó cũng làm đức tin của tôi mạnh mẽ bởi vì anh đã làm con dân Chúa hạnh phúc.

Tiểu Đoạn 8-21 Phao-lô xin Phi-lê-môn nhận lại Ô-nê-sim, người nô lệ bỏ trốn.

Đây là phần chính của thư. Trong câu 17 Phao-lô cho thấy rõ ràng điều ông muốn nhờ Phi-lê-môn làm. Ông nói, “Xin anh tiếp nhận nó như chính mình tôi vậy.” Nhưng trước khi Phao-lô yêu cầu điều này, ông cho Phi-lê-môn thấy nhiều lý do khiến ông nên tiếp nhận Ô-nê-sim lại. Trong các câu 8-11, ông bảo Phi-lê-môn rằng ông muốn Phi-lê-môn làm một điều để giúp đỡ Ô-nê-sim, bởi vì Ô-nê-sim đã trở thành tín hữu và sẽ hữu dụng cho Phi-lê-môn. Ông nói với Phi-lê-môn điều này cũng bởi vì Phi-lê-môn yêu Phao-lô và các anh em khác trong Chúa. Trong các câu 12-14, Phao-lô nói là ông sai Ô-nê-sim về lại với Phi-lê-môn, mặc dù ông muốn giữ Ô-nê-sim lại với ông. Trong các câu 15-16, Phao-lô nói lý do Đức Chúa Trời cho phép những điều này xảy ra, và

ông (Phao-lô) yêu Ô-nê-sim như thế nào. Sau cùng, trong các câu 17-21, Phao-lô yêu cầu rõ ràng, và bằng lòng trả bất cứ điều gì Ô-nê-sim nợ Phi-lê-môn. Ông nói trong quá khứ ông cũng đã giúp Phi-lê-môn trở nên con dân Chúa. Đây là một lý do nữa mà Phao-lô mong Phi-lê-môn sẽ làm điều ông yêu cầu.

Tựa đề của tiểu đoạn cho biết Ô-nê-sim là một nô lệ bỏ trốn. Cần phải có chi tiết này để hiểu rõ lời yêu cầu mà ông Phao-lô sắp viết. Trong KT, người ta phải đọc đến câu 16 mới biết Ô-nê-sim là một nô lệ. Bạn có thể để chi tiết này vào phần chủ đề của tiểu đoạn trong bản dịch của bạn để người đọc biết về điều này sớm hơn.

Trong phần này (các câu 8-21) Phao-lô, giống như một anh em trong Chúa, xin Phi-lê-môn giúp đỡ Ô-nê-sim, nhưng không ra lệnh cho ông làm.

8-11 Phao-Lô yêu cầu vì cố Ô-nê-sim.

Hãy đọc lại các câu 8-11, rồi đọc Lời Giải Nghĩa sau đây trước khi bạn dịch.

8

Trong BDM câu 8-9a là một câu dài. Và khó hiểu cũng như dịch trong hình thức này. Vì lý do này, trong khung ở trên đề nghị một cách sắp xếp khác để câu 8-9a có thể chia ra làm hai hay nhiều câu. Làm như vậy sẽ dễ hiểu và dễ đọc hơn, và hy vọng dễ dịch hơn.

cho nên: Phao-lô nối kết những điều ông sắp nói trong những câu tới với những điều ông đã nói. Điều ông muốn nói như sau: bởi vì Phi-lê-môn yêu các anh em trong Chúa của ông, ông cũng nên làm như vậy với Ô-nê-sim. Có thể dùng những từ sau để diễn tả hàm ý ở đây: “bởi vì anh yêu thương con dân Chúa, tôi nài xin anh làm điều anh nên làm.”

trong Đức Cơ Đốc: Có hai cách để hiểu câu trong Đức Cơ Đốc. Nó có nghĩa là:

- (1) Là một sứ đồ của Đức Cơ Đốc, Phao-lô có thẩm quyền từ Đức Cơ Đốc để ra lệnh cho Phi-lê-môn làm điều này. HAY,
- (2) Quan hệ giữa Phao-lô với Phi-lê-môn như là một anh em trong Chúa cho ông sự tự do để bảo ông làm điều này.

Cách dịch đầu tiên thích hợp hơn với ý tưởng yêu cầu ông làm thay vì ra lệnh cho ông làm.

truyền bảo: *Truyền bảo* một người có nghĩa là “ra lệnh” cho người đó. Nó có nghĩa là “bảo một người nào đó làm một việc gì.” Là một sứ đồ của Đức Cơ Đốc, Phao-lô có thể bảo Phi-lê-môn phải giúp đỡ Ô-nê-sim. Nhưng Phao-lô quyết định yêu cầu Phi-lê-môn làm điều đó như một người bạn và một tín hữu.

việc nên làm: Đây đề cập đến việc Phao-lô nghĩ là Phi-lê-môn nên làm bởi vì ông là một con dân Chúa. Điều Phao-lô muốn nói ở đây là ông muốn Phi-lê-môn tiếp nhận Ô-nê-sim. Nhưng cho đến câu 17 Phao-lô mới nói thẳng điều này.

9a

nhưng: Từ này có nghĩa là “thay vì.” Phao-lô không làm điều mà Phi-lê-môn nghĩ rằng ông sẽ làm (tức là ra lệnh cho Phi-lê-môn, xem câu 8). Thay vì, ông nài xin Phi-lê-môn làm điều đó trên căn bản của tình yêu thương.

lấy tình yêu thương: Thay vì ra lệnh cho Phi-lê-môn tuân theo một mệnh lệnh, Phao-lô muốn ông chỉ làm vì tình yêu thương. Có ba cách dịch về đối tượng của tình yêu thương nói đến ở đây:

- (1) Phi-lê-môn nên làm điều Phao-lô muốn chỉ vì ông yêu Phao-lô.
- (2) Phi-lê-môn nên làm điều ông phải làm, không phải bởi vì được ra lệnh, nhưng bởi vì ông yêu thương tất cả mọi con dân Chúa.

Tiểu Đoạn 8-21 Phao-lô xin Phi-lê-môn nhận lại Ô-nê-sim, người nô lệ bỏ trốn.

- 8-9a** Cho nên dù trong Đức Cơ Đốc, tôi có quyền truyền bảo anh về việc nên làm nhưng tôi lấy tình yêu thương mà nài xin anh là hơn.
 Tôi nài xin anh làm một điều mà anh nên làm. Tôi có thể dùng [thẩm quyền] Đức Cơ Đốc [đã ban cho tôi] để ra lệnh cho anh làm điều này [nhưng tôi sẽ không làm như vậy]. Thay vào đó, tôi chỉ nài xin anh làm điều đó bởi vì [chúng ta] yêu thương [lẫn nhau và là con dân Chúa].
 -HAY-
 Vì lý do này tôi nài xin anh làm điều đúng [như một tín hữu]. Tôi có thể can đảm như [một sứ đồ] của Đức Cơ Đốc và ra lệnh cho anh làm điều này. Nhưng tôi sẽ chỉ nài xin anh, bởi vì tôi biết anh yêu mến [các bạn đồng đạo của anh].
- 9b** Tôi, Phao-lô đã già rồi nay lại còn vì Đức Cơ Đốc Giê-su mà chịu ngục tù,
 Tôi, Phao-lô, đã già rồi và đang ở tù [bởi vì tôi hầu việc] Đức Cơ Đốc Giê-su.
 -HAY-
 Tôi Phao-lô một ông già làm điều này, và hiện nay cũng bị ở tù vì cố hầu việc Đức Cơ Đốc Giê-su.
- 10a** Tôi xin anh giúp cho đứa con
 Tôi nài xin anh giúp Ô-nê-sim, [người giống như] con trai của tôi.
 -HAY-
 Tôi đang nài xin anh [làm một đặc ân] cho Ô-nê-sim, [giống như] con trai của tôi.

(3) Phao-lô không dùng thẩm quyền trên Phi-lê-môn. Lý do là vì: Phao-lô yêu Phi-lê-môn.

Có thể có cả ba cách dịch trên, và có lẽ đó là điều ông Phao-lô nghĩ trong đầu. Cách dịch đầu tiên có vẻ đúng nhất bởi vì các từ ở trong câu 9b. Câu 9b hàm ý Phi-lê-môn nên tỏ ra biết ơn một ông già ở trong tù. Ông cũng biết ơn vì Phao-lô đã đem ông đến với Đức Cơ Đốc.

nài xin anh: Tôi “yêu cầu” anh. Phao-lô đang xin Phi-lê-môn làm một điều. Khác hơn là bảo ông làm điều đó.

9b

Tôi, Phao-lô: Phao-lô cho biết những lý do tại sao Phi-lê-môn nên đồng ý làm theo lời yêu cầu của ông. Vì lý do:

- Phao-lô, là bạn của Phi-lê-môn.
- Ông là người đã già.
- Ông đang chịu khổ vì đức tin.

đã già rồi: Từ Hy-lạp *presbutēs* có thể có hai ý nghĩa trong câu này:

- (1) “ông già”
- (2) “đại sứ” (phát ngôn viên của những nhân vật quan trọng).

Từ *ông già* có lẽ đại diện cho ý nghĩa đúng ở trong câu này, bởi vì Phao-lô vừa mới nói ông không ra lệnh như một người có thẩm quyền (câu 8). Ông đang yêu cầu như một ông già ở trong tù vì cố ông phục vụ Đức Cơ Đốc (câu 9). Trong các bản dịch BDC, BDM, BDY đều dùng cụm từ “đã già rồi.”

chịu ngục tù: Xem Lời Giải Nghĩa trong phần câu 1a.

10a

xin anh giúp: “Tôi đang xin anh làm một điều.” Xem phần Lời Giải Nghĩa về câu 9. Phao-lô chưa nói cho Phi-lê-môn biết điều Phao-lô muốn ông làm.

cho: Phao-lô đang xin Phi-lê-môn làm một điều “liên quan đến” Ô-nê-sim, hay “vì cố” Ô-nê-sim.

đứa con: Ô-nê-sim không phải là con trai ruột của Phao-lô. Ông giống như con trai của Phao-lô bởi vì, trong khi Phao-lô ở trong tù, ông giúp Ô-nê-sim tin Chúa. Giống như người cha ban cho con sự sống thể chất, Phao-lô giúp đỡ và ban sự sống thuộc linh cho Ô-nê-sim.

Ô-nê-sim: Tên *Ô-nê-sim* là một từ Hy-lạp có nghĩa là “hữu dụng, có lợi, giúp đỡ” (Xem Lời Giải Nghĩa về “vô dụng” trong câu 11). Nhiều người nô lệ được chủ đặt tên là *Ô-nê-sim*.

10b

cảnh ngục tù: Từ Hy-lạp được dùng ở đây, *desmois*, có nghĩa là “gông cùm” hay “xiềng xích.” Trong thời Tân Ước người La-mã thường xích những tù nhân quan trọng lại trong khi họ bị tù. Phao-lô dùng từ *xiềng xích* như một ẩn dụ cho cảnh ngục tù.

Phao-lô bị ở tù vì ông giảng Phúc Âm. Nhưng điều này không có nghĩa là Ô-nê-sim cũng bị ở tù. Ô-nê-sim có lẽ chỉ đến thăm Phao-lô. Nếu Ô-nê-sim cũng là tù nhân, thì Phao-lô không thể sai nó về với Phi-lê-môn được (câu 12).

11

Phao-lô dùng những từ này trong câu 11 để khuyến khích Phi-lê-môn thi hành một ân huệ cho Ô-nê-sim.

11a

trước kia: Đề cập đến thời gian sau khi Ô-nê-sim bỏ trốn khỏi Phi-lê-môn.

vô dụng...hữu dụng: Tên Ô-nê-sim có nghĩa là hữu dụng (câu 10). Khi Ô-nê-sim trốn chủ là Phi-lê-môn, nó trở nên vô dụng (không còn hữu dụng) cho Phi-lê-môn. Điều Ô-nê-sim làm khác với ý nghĩa tên của nó. Nhưng khi Ô-nê-sim trở nên con dân Chúa, nó đã trở nên hữu dụng lại, tức là đúng theo ý nghĩa tên của nó. Ở đây có thể dịch:

Trong quá khứ nó vô dụng cho anh [bởi vì nó bỏ trốn]. Nhưng bây giờ nó hữu dụng cả cho anh và cho tôi.

11b

cho anh lẫn cho tôi: Ô-nê-sim giúp đỡ Phao-lô trong lúc ông ở trong tù. Và khi Ô-nê-sim trở lại với Phi-lê-môn như một người nô lệ, sẽ giúp đỡ và vâng lời Phi-lê-môn. Nên bây giờ Ô-nê-sim hữu dụng cho cả Phi-lê-môn và Phao-lô.

12-14 Phao-lô sai Ô-nê-sim về lại với Phi-lê-môn.

Trong lá thư mà Ô-nê-sim tự tay đem tới cho Phi-lê-môn, Phao-lô bảo Phi-lê-môn là ông sai Ô-nê-sim về lại. Phao-lô muốn giữ Ô-nê-sim ở lại để giúp đỡ ông. Nhưng ông sai Ô-nê-sim về vì Ô-nê-sim thuộc về Phi-lê-môn, chủ của nó. Nếu sau này Ô-nê-sim trở lại để giúp Phao-lô trong khi ông ở tù, thì sẽ do Phi-lê-môn quyết định chứ không phải Phao-lô.

Xin đọc lại các câu 12-14.

12

sai nó về: Từ Hy-lạp được dùng ở đây *anapempō* có nghĩa là “sai” hay “sai về.” Phao-lô dùng từ này bởi vì Ô-nê-sim đến từ Phi-lê-môn, và Phao-lô sắp sai Ô-nê-sim về lại với ông.

nó như tấm lòng tôi vậy: Những từ này có nghĩa là Phao-lô rất yêu mến Ô-nê-sim, và không muốn Ô-nê-sim xa ông. Giống như ông gửi một phần của chính ông vậy.

Nếu trong ngôn ngữ của bạn có một nhóm từ diễn tả tình cảm sâu xa này, bạn nên dùng ở đây.

13

trước kia tôi định giữ nó lại với tôi: Câu này có thể dịch theo cách nói tự nhiên là “Nếu tôi làm điều tôi muốn làm, tôi sẽ giữ nó ở đây.” Nhưng Phao-lô không làm điều ông muốn làm cho chính mình. Ông để Phi-lê-môn quyết định (câu 14).

10b	<p>mà tôi sinh trong cảnh ngục tù, Ô-nê-sim. Nó đã trở nên [giống như] con trai của tôi trong khi tôi ở tù [bởi vì tôi đã giúp đỡ nó tiếp nhận đời sống mới từ Đức Chúa Trời]. <i>-HAY-</i> Trong khi ở tù, tôi đã trở nên [giống như] cha của nó.</p>
11a	<p>Trước kia, với anh, nó thật là vô dụng Trong quá khứ nó vô dụng cho anh [bởi vì nó đã bỏ trốn].</p>
11b	<p>nhưng bây giờ đã trở nên hữu dụng cho anh lẫn cho tôi: Nhưng bây giờ nó trở nên hữu dụng cho cả hai chúng ta.</p>
12	<p>Tôi sai nó về với anh, nó như tấm lòng tôi vậy. [Dầu là] tôi rất yêu mến Ô-nê-sim, tôi sai nó về lại với anh. <i>-HAY-</i> Tôi sai Ô-nê-sim về lại với anh, người mà tôi yêu mến hết lòng.</p>
13	<p>Trước đây tôi định giữ nó lại với tôi, để nó thay anh phục vụ tôi trong lúc chịu xiềng xích vì truyền giảng Phúc Âm. Tôi muốn giữ nó lại với tôi để giúp đỡ tôi trong khi tôi bị tù vì [giảng] Phúc Âm [về Chúa Giê-su Cơ Đốc]. Nó có thể thay anh [bởi vì tôi biết anh muốn giúp đỡ tôi].</p>
14a	<p>Nhưng tôi không muốn làm gì khi chưa được anh đồng ý Nhưng tôi [chưa] giữ nó ở lại đây bởi vì anh [chưa] chấp thuận. <i>-HAY-</i> Nhưng tôi không muốn làm điều đó nếu anh chưa đồng ý.</p>

giữ nó lại với tôi: Phao-lô muốn giữ Ô-nê-sim ở trong tỉnh gần chỗ ông bị tù để Ô-nê-sim có thể đến thăm và giúp đỡ ông.

để nó thay anh phục vụ tôi: Phao-lô biết Phi-lê-môn muốn giúp đỡ Phao-lô bằng bất cứ cách nào ông có thể làm được. Nếu Phi-lê-môn ở gần Phao-lô, ông sẽ đến nhà tù thăm và giúp đỡ ông. Người nô lệ của Phi-lê-môn là Ô-nê-sim đến đó, và sự giúp đỡ của Ô-nê-sim có thể coi như là ông làm vì cơ Phi-lê-môn.

thay anh: Có nghĩa là “thay thế cho anh, nhân danh anh, hay vì cơ anh.”

trong lúc chịu xiềng xích: Hay Phao-lô có thể nói “trong lúc tôi ở tù.” Xem Lời Giải Nghĩa về câu 10.

vì truyền giảng Phúc Âm: Nói một cách khác: bởi vì ông giảng Phúc Âm của Chúa Giê-su Cơ Đốc (xem câu 1).

14a

Điều Phao-lô muốn nói ở đây là ông không đòi hỏi Ô-nê-sim ở lại với ông vì Phi-lê-môn không có ở đây để chấp thuận. Nếu ông đòi Ô-nê-sim ở lại thì giống như bắt buộc Phi-lê-môn phải để cho Ô-nê-sim giúp đỡ ông. Phao-lô có thể muốn Phi-lê-môn sau này sẽ sai Ô-nê-sim về lại để giúp đỡ Phao-lô trong khi ông bị ở tù. Nhưng Phao-lô muốn Phi-lê-môn làm điều này bởi vì chính ông muốn làm chứ không phải Phao-lô nói ông phải làm như vậy.

làm gì: Từ *làm gì* ở đây có nghĩa là “(bất cứ điều gì liên quan đến vấn đề Ô-nê-sim).” Phao-lô không muốn giữ Ô-nê-sim lại với ông và không yêu cầu Ô-nê-sim trở lại với Phao-lô trừ khi Phi-lê-môn chấp thuận.

chưa được anh đồng ý: Phao-lô tôn trọng quyền của người chủ mà Phi-lê-môn có đối với Ô-nê-sim. Phao-lô nói ông không có phép

của Phi-lê-môn để giữ Ô-nê-sim nên ông sai Ô-nê-sim về lại.

14b

để công việc tốt đẹp anh làm: Trong câu 14a Phao-lô nói ông không muốn làm bất cứ điều gì mà không có sự chấp thuận của Phi-lê-môn. Trong câu 14b Phao-lô nói đến điều ông muốn: để Phi-lê-môn có toàn quyền hành động theo ý chí tự do và điều ông cho là đúng. Phao-lô không muốn Phi-lê-môn làm vì bị bắt buộc.

công việc tốt đẹp: Một *đặc ân* là một điều ích lợi Phi-lê-môn có thể làm cho Phao-lô. Xem *nài xin* trong câu 10.

là việc tự nguyện chứ không phải ép buộc: Đặc ân phải do chính Phi-lê-môn quyết định, không phải là điều ông được ra lệnh phải làm dù ông có muốn làm hay không.

tự nguyện: Điều này có nghĩa là “không phải nói mới làm.” Làm điều gì một cách tự nhiên là sẵn sàng làm bởi vì người ta muốn làm điều đó.

ép buộc: Khi người ta bắt ai làm một điều gì cho họ đó là hành động *ép buộc*. Kết quả là Ô-nê-sim trở nên một con dân Chúa.

15-16 Bây giờ Ô-nê-sim là anh em trong Đức Cơ Đốc.

Trong những câu này Phao-lô nói khi Ô-nê-sim trốn khỏi Phi-lê-môn đó có thể là một điều tốt. Kết quả là Ô-nê-sim trở nên một con dân Chúa.

Hãy đọc các câu 15-16 lại.

15a

Có lẽ: Phao-lô không biết chắc đây là chương trình của Đức Chúa Trời, nhưng ông nghĩ là có vẻ như vậy.

đã rời xa: Thật ra có nghĩa là Ô-nê-sim đã bỏ trốn. Nhưng Phao-lô nói như là Đức Chúa Trời cho phép và khiến cho điều đó xảy ra. Vì sau đó giúp cho Ô-nê-sim gặp Phao-lô và trở thành con dân Chúa.

ít lâu... mãi mãi: Ô-nê-sim xa Phi-lê-môn một ít lâu, có lẽ một vài tháng, nhưng trong

thời gian đó Ô-nê-sim tin nhận Chúa. Bây giờ cả Phi-lê-môn và Ô-nê-sim đều là con dân Chúa, họ có quan hệ đời đời với nhau. Nói một cách khác là Phi-lê-môn đã mất một người nô lệ ít lâu để ông có thể nhận lại một tín hữu mãi mãi.

15b

nhận nó lại: Câu này có nghĩa là Phi-lê-môn có thể nhận Ô-nê-sim về lại với ông.

16a

không phải nhận lại như một nô lệ: Điều này không có nghĩa là Ô-nê-sim không còn là nô lệ nữa. Nó vẫn là nô lệ của Phi-lê-môn. Điều này có nghĩa là Phi-lê-môn không nên chỉ nghĩ đến nó như một nô lệ, nhưng đặc biệt như một tín hữu.

nô lệ: Ý tưởng chính trong cụm từ này là Ô-nê-sim đã là nô lệ của Phi-lê-môn, người làm việc cho Phi-lê-môn. Từ nô lệ thường có nghĩa hơn là một người đầy tớ. Xem phần giới thiệu sách Phi-lê-môn.

16b

nhất là đối với tôi: Phao-lô nhấn mạnh ông có lý do lớn để yêu mến Ô-nê-sim. Ông mô tả nó như là một người con trai của ông trong Đức Cơ Đốc.

huống chi đối với anh: Phao-lô muốn nói Phi-lê-môn có nhiều lý do hơn ông Phao-lô để yêu mến Ô-nê-sim. Bởi vì bây giờ Ô-nê-sim là một nô lệ trung thành và một tín hữu của Phi-lê-môn.

16c

Cả về tình người lẫn tình trong Chúa: Đây là một thành ngữ được dùng trong tiếng Việt để diễn tả ý tưởng tình yêu thương được dựa trên căn bản quan hệ giữa người với người cũng như quan hệ của anh em có cùng đức tin.

17-21 Phao-lô xin Phi-lê-môn tiếp nhận Ô-nê-sim trở lại.

Trong đoạn này, cuối cùng Phao-lô khiến cho Phi-lê-môn hiểu rõ điều Phao-lô muốn ông làm. Phao-lô muốn ông tiếp nhận Ô-nê-sim

14b	để công việc tốt đẹp anh làm là việc tự nguyện chứ không phải ép buộc. [Tôi muốn rằng] bất cứ đặc ân nào anh làm [cho tôi] sẽ bởi vì anh muốn làm điều đó, không bởi vì tôi ép buộc anh [làm điều đó]. <i>-HAY-</i> Bằng cách này, nếu anh làm điều tôi nài xin, sẽ bởi vì anh muốn làm điều đó, không bởi vì anh phải làm.
15a	Có lẽ nó đã rời xa anh ít lâu Có thể là [Đức Chúa Trời để cho] nó trốn khỏi anh ít lâu
15b	chính là để anh có thể nhận nó lại mãi mãi, để [khi nó trở lại với anh] nó có thể lại ở với anh mãi mãi.
16a	không phải nhận lại như một nô lệ nhưng hơn hẳn nô lệ, như một anh em thân yêu, Và từ nay trở đi nó không phải [chỉ] là nô lệ của anh. Nó hơn là một người nô lệ. Nó [bây giờ] là một tín hữu [thân yêu] [của anh]. <i>-HAY-</i> Anh không nên coi nó [chỉ] là nô lệ của anh nữa. Hơn là một nô lệ, nó bây giờ là tín hữu mà anh có thể yêu thương.
16b	nhất là đối với tôi, hướng chi đối với anh thì càng thân yêu hơn biết bao!, Tôi yêu nó nhiều lắm nhưng anh nên yêu nó nhiều hơn nữa.
16c	Cả về tình người lẫn tình trong Chúa. [Anh sẽ yêu thương nó] như một nô lệ của anh và bởi vì nó là một tín hữu.
17a	Vậy nếu anh xem tôi là bạn đồng đạo, Vậy, vì anh nghĩ đến tôi như một người bạn cùng làm việc [cho Đức Cơ Đốc] <i>-HAY-</i> Vì vậy, nếu anh nghĩ đến chúng ta như là bạn đồng lao,

trở lại như là chính Phao-lô vậy. Đây là điểm chính của cả lá thư.

Phao-lô hứa trả lại Phi-lê-môn bất cứ điều gì Ô-nê-sim đã lấy hoặc làm sai ý chủ. Nhưng có lẽ Phi-lê-môn sẽ không bắt Phao-lô trả gì hết, bởi vì Phao-lô đã giúp ông trở thành con dân Chúa. Điều này có thể làm thay đổi cách ông suy nghĩ về đời sống và tiền bạc. Thật vậy, Phao-lô chắc chắn là Phi-lê-môn sẽ làm điều ông nài xin và có thể hơn nữa.

Phao-lô cũng sai Ô-nê-sim trở về bởi vì Ô-nê-sim cần phải sửa lại những điều sai lầm nó đã làm với chủ.

Hãy đọc các câu 17-21 lại.

17a

Vậy: Với cùng một ý nghĩa căn bản, Phao-lô có thể nói, “Dựa trên căn bản của những điều tôi vừa nói ...” (các câu 8-16). Hay, ông có thể nói, “nhớ đến những điều tôi vừa viết cho anh...”

nếu: Chữ này không có nghĩa là “nếu,” nhưng là “vì.” Phao-lô thường dùng chữ “nếu” với ý nghĩa này. Ông biết rằng Phi-lê-môn coi ông như bạn đồng lao. Nên ông không nói, “Tôi không biết anh có nghĩ đến tôi như bạn đồng lao.” Ông nói, “Vì anh nghĩ đến tôi như bạn đồng lao ...”

bạn đồng đạo: Từ Hy-lạp *koinōnos* được dùng trong câu này có nghĩa là “một người

bạn là một tín hữu” hay một người cùng làm việc với bạn trong khi hầu việc Chúa. Từ này rất giống ý nghĩa của từ “đồng lao” được dịch trong câu 1.

17b

tiếp nhận: Tiếp nhận một người có nghĩa “tiếp nhận người ấy cách vui mừng.” Phao-lô đang xin Phi-lê-môn tiếp nhận Ô-nê-sim lại cách vui mừng như ông tiếp nhận Phao-lô.

18

Chúng ta không biết rõ Ô-nê-sim có làm điều gì sai lầm ngoại trừ bỏ trốn thôi không. Nhưng hãy nhớ rằng, Phi-lê-môn là chủ. Ông sở hữu Ô-nê-sim. Và Ô-nê-sim đã làm việc không lương cho Phi-lê-môn. Khi Ô-nê-sim bỏ trốn, Phi-lê-môn có thể phải mượn người khác làm thế và phải trả tiền lương cho người này. Vậy nên Phao-lô có thể cảm thấy là Ô-nê-sim nợ Phi-lê-môn khoảng thời gian làm việc ông đã bị mất. Ô-nê-sim có thể đã ăn cắp vật gì đó của Phi-lê-môn. Điều này cũng có thể là sự thật, nhưng không ai biết chắc.

mắc nợ: Ô-nê-sim cần phải trả lại một cái gì đó.

cứ tính cho tôi: Ý Phao-lô muốn nói, “Ô-nê-sim nợ anh cái gì, đừng nói là nó nợ anh nhưng nói là tôi nợ anh.” Phao-lô đang hứa trả lại cho Phi-lê-môn bất cứ điều gì Ô-nê-sim nợ ông. Nhưng trong hai câu theo sau có vẻ cho chúng ta thấy là Phi-lê-môn sẽ không bao giờ để Phao-lô trả lại gì hết.

19a

chính tay tôi viết điều này: Phao-lô nhấn mạnh lời ông hứa trả điều Ô-nê-sim nợ Phi-lê-môn bằng cách chính tay ông viết lời hứa này.

Chúng ta không biết Phao-lô viết cả thư này bằng tay, hay chỉ có phần này. Có vẻ thông thường Phao-lô đọc thư cho một người khác viết xuống giấy. Nhưng có một vài lần, như ở đây, ông tự tay viết phần này.

Phao-lô có lẽ đang cười trong phần cuối của câu 19. Phao-lô đã biết Phi-lê-môn sẽ

không bao giờ đòi Phao-lô trả bất cứ cái gì, bởi vì Phi-lê-môn cảnh giác về điều ông cũng mắc nợ Phao-lô nữa.

19b

anh mắc nợ tôi về chính bản thân anh: Phao-lô đã giúp đỡ Phi-lê-môn trở thành con dân Chúa, và vì vậy Phi-lê-môn mắc nợ Phao-lô về đời sống thuộc linh mới của ông, toàn thể đời sống Cơ Đốc của ông. Thật ra, Phi-lê-môn mắc nợ Phao-lô nhiều hơn Ô-nê-sim mắc nợ Phi-lê-môn. Từ Hy-lạp *seuton* dùng ở đây “chính anh,” cũng có thể dịch là “chính linh hồn anh.” Cả câu này có thể dịch là:

Món nợ anh nợ tôi lớn lắm bởi vì nhờ tôi anh đã nhận được sự sống vĩnh cửu.

thì không nhắc đến: Đây là cách nói điều mà Phao-lô thật không muốn nói đến bởi vì điều đó có thể làm cho Phi-lê-môn hổ thẹn một chút. Đó là cách Phao-lô dùng để nhắc nhở Phi-lê-môn về điều ông đã biết rồi. Câu này cũng có thể dịch bằng mấy cách khác: “tôi không phải nhắc lại với anh, dĩ nhiên...,” hay “tôi sẽ không phải nhấn mạnh anh nợ tôi bao nhiêu.”

20a

tôi mong ước được anh giúp tôi: Ở đây Phao-lô lặp lại yêu cầu chính của ông để Phi-lê-môn tiếp nhận Ô-nê-sim. Xem câu 17.

điều ấy: Phao-lô không xin Phi-lê-môn giúp đỡ ông bằng bất cứ cách nào. Ông muốn Phi-lê-môn tha thứ cho Ô-nê-sim và tiếp nhận nó lại.

trong Chúa: Ý tưởng chính trong câu này có vẻ là Phi-lê-môn nên xem xét lời yêu cầu của Phao-lô như là của một tín hữu, và không phải như một người chủ của một nô lệ. Và khi Phi-lê-môn làm điều này, Phao-lô tin rằng ông cũng sẽ làm điều Phao-lô xin.

20b

làm tươi mát lòng dạ tôi: “Làm cho tôi vui lên,” “làm cho tôi hạnh phúc,” “để lòng tôi được yên nghỉ,” “cất bỏ lo âu của tôi.” Đây là một cách khác để nói những lời ông đã

17b	<p>thì xin anh tiếp nhận nó như chính mình tôi vậy. tiếp nhận lại Ô-nê-sim [cách vui mừng] giống như anh tiếp nhận tôi vậy. <i>-HAY-</i> khi Ô-nê-sim trở lại với anh, đối xử với nó [cách tử tế giống như] anh sẽ đối xử với tôi.</p>
18	<p>Nếu nó có làm thiệt hại hay mắc nợ bất luận điều gì, anh cứ tính cho tôi. Nếu nó có làm điều gì sai lầm với anh hay nếu nó mắc nợ anh bất cứ [tiền] gì, hãy để tôi trả cho nó. <i>-HAY-</i> Nếu Ô-nê-sim có sai lầm gì đối với anh hay nó có mắc nợ anh bất cứ điều gì, tính nợ đó cho tôi.</p>
19a	<p>Tôi, Phao-lô — chính tay tôi viết điều này — tôi sẽ hoàn lại cho anh; Chính tay tôi viết điều này: “Tôi, Phao-lô, sẽ trả cho anh [bất cứ điều gì Ô-nê-sim mắc nợ anh].”</p>
19b	<p>còn anh mắc nợ tôi về chính bản thân anh thì không nhắc đến. Nhưng đừng quên rằng anh cũng mắc nợ tôi về đời sống [thuộc linh] mới của anh [bởi vì tôi đã giúp đỡ anh trở thành con dân Chúa]. <i>-HAY -</i> Anh đã biết rằng, nếu không phải vì có tôi, chính anh cũng không tìm được đời sống mới.</p>
20a	<p>Vâng, thưa anh, tôi mong ước được anh giúp tôi điều ấy trong Chúa Vâng, thưa anh, vui lòng làm đặc ân này cho tôi [bởi vì chúng ta thuộc về] Chúa. <i>-HAY-</i> Vì có Chúa, thưa anh, vui lòng làm cho tôi điều tôi đang nài xin.</p>
20b	<p>và làm tươi mát lòng dạ tôi trong Đức Cơ Đốc. Khuyến khích tôi [bằng cách làm điều này] như một tín hữu. <i>-HAY-</i> [Làm điều tôi nài xin] bởi vì chúng ta đều thuộc về Đức Cơ Đốc.</p>

nói trong câu 20a. Ở đây dùng cùng một nhóm từ như trong câu 7.

trong Đức Cơ Đốc: Đây cũng là một nhóm từ như “trong Chúa” (20a). Nói một cách khác là: “như một tín hữu.”

Phần cuối của câu 20 nhắc lại một phần ý nghĩa của phần đầu của câu 20. Phao-lô vẫn còn nói về Phi-lê-môn làm điều ông xin. Nó có thể dịch như sau:

Khiến tôi hạnh phúc bằng cách làm đặc ân này cho tôi vì tôi là một tín hữu của anh.

21

Câu này tóm tắt yêu cầu của Phao-lô liên quan đến Ô-nê-sim. Phao-lô tin tưởng khá mạnh rằng Phi-lê-môn sẽ làm đặc ân này cho ông. Và Phao-lô có thể cũng có ý tưởng Phi-lê-môn có thể hủy bỏ tất cả mọi nợ nần của Ô-nê-sim. Xem Lời Giải Nghĩa về các câu 19 và 20.

21a

tin cậy: Phao-lô muốn nói ở đây, “tôi biết chắc” hay, “tôi biết.” Phao-lô trấn an Phi-lê-môn là ông không nghi ngờ Phi-lê-môn sẽ sẵn lòng làm theo điều ông nói.

người hay vâng lời: Trong nguyên bản Hy-lạp dùng câu *sự vâng lời của anh* ở đây. Nhóm từ hàm ý “rằng anh sẽ đồng ý với lời yêu cầu của tôi.” Phao-lô đã nói trong câu 8 và câu 9 rằng ông chỉ xin Phi-lê-môn làm điều ông muốn, ông không ra lệnh cho Phi-lê-môn. Có lẽ gán với ý nghĩa của BDY: “Tôi biết chắc chắn...anh sẽ làm điều tôi yêu cầu.”

tôi viết: Chính Phao-lô viết phần trong câu 19, nhưng có lẽ đã không tự tay viết cả thư. Ông thường có một người viết cho ông những điều ông muốn nói. Ông nói ở đây là ông là tác giả của thư này.

21b

anh sẽ làm trở hơn những điều tôi yêu cầu: Phao-lô tin rằng Phi-lê-môn sẽ làm điều đúng như một con dân Chúa sẽ làm. Điều này có nghĩa là không những chỉ làm theo điều Phao-lô xin, tức là tiếp nhận lại Ô-nê-sim, nhưng còn làm hơn thế nữa. Phao-lô có thể nghĩ đến hai điều khi ông nói *trở hơn*: (a) Phi-lê-môn có thể không bắt Ô-nê-sim hay Phao-lô trả nợ gì của Ô-nê-sim lại hết. Và (b) Phi-lê-môn có thể trả lại tự do cho Ô-nê-sim khỏi phải làm nô lệ nữa. Nhưng chúng ta không biết có phải Phao-lô nghĩ như vậy không, và chúng ta không biết chắc Phi-lê-môn có làm một điều nào trong những điều này không.

Tiểu Đoạn 22-25 Các lời chào thăm và tạm biệt

Trong các câu 22-25 Phao-lô viết cho những tín hữu đang ở trong một nhóm với Phi-lê-môn. Nên ông dùng “anh chị em.” Ông cũng làm như vậy trong câu 3. Nhưng ông không dùng “anh chị em” trong những phần chính của thư (các câu 4-21). Đây là điều cho thấy các câu 1-3 và các câu 22-25 tách riêng khỏi các phần khác của lá thư. Vậy nên chúng ta coi các câu 22-25 cũng như một phần riêng biệt của lá thư.

Sau khi nêu lên điểm chính trong thư từ câu 8-21, Phao-lô chấm dứt thư bằng vài lời chốt trong các câu 22-25. Ông nhờ Phi-lê-môn dọn phòng dành cho khách sẵn sàng cho ông (câu 22), bởi vì ông hy vọng đến thăm con dân Chúa ở Cô-lô-se một lần nữa. Đây phải là lời cầu nguyện được nhậm lời. Sau đó Phao-lô gửi đến Phi-lê-môn lời chào thăm của năm tín hữu khác đang ở với Phao-lô (các câu 23-24). Tên những người này cũng viết ở trong Cô-lô-se 4:10-14. Sau hết, Phao-lô chấm dứt thư với một lời chúc Cơ Đốc (câu 25).

Hãy đọc các câu 22-25 trong BDM, BDC, và BDY cẩn thận.

22 Phao-lô nhờ Phi-lê-môn chuẩn bị cho cuộc viếng thăm của ông.

Trong câu này, Phao-lô nhờ Phi-lê-môn sửa soạn mọi sự sẵn sàng cho ông đến thăm.

Hãy đọc lại câu 22.

[Trong khi tôi đang xin một đặc ân cho Ô-nê-sim,]tôi có một yêu cầu nữa.

-HAY-

[Trong khi đang xin đặc ân này cho Ô-nê-sim] tôi cũng xin một đặc ân khác [cho chính tôi].

chuẩn bị nhà trọ cho tôi: Phao-lô nhờ Phi-lê-môn dọn sẵn một chỗ cho ông ở tại Cô-lô-se. Đây cũng có thể là một chỗ ở trong nhà Phi-lê-môn nơi Phao-lô có thể ngủ và có người nấu ăn cho ông ta. Thấy có vẻ như

22a

Nhân thế: Chúng ta cũng có thể dịch từ Hy-lạp dùng ở đây: “cùng một lúc,” hay “và một điều khác nữa.” Câu này cũng có thể dịch là:

21a	Tôi viết thư cho anh, vì đã tin cậy anh là người hay vâng lời [Ngay cả khi] tôi viết cho anh, tôi chắc anh sẽ làm điều tôi xin.
21b	và đã biết anh sẽ làm trở hơn những điều tôi yêu cầu. [Vâng,] tôi biết rằng anh sẽ làm trở hơn những điều tôi yêu cầu.
Tiểu Đoạn 22-25 Các lời chào thăm và tạm biệt	
22a	Nhân thể, xin anh chuẩn bị nhà trọ cho tôi, Và còn điều này: [Vui lòng] dọn sẵn một phòng [ở nhà anh] cho tôi [ở].
22b	vì tôi hy vọng nhờ anh cầu nguyện, tôi sẽ được về với anh chị em. (BDY vì tôi hy vọng Thượng Đế nhậm lời cầu nguyện của tất cả các tín hữu và cho tôi sớm được tự do trở về với anh em.) bởi vì tôi hy vọng rằng [Đức Chúa Trời] sẽ trả lời cầu nguyện của các anh [khiến người ta thả tôi ra khỏi tù và] để tôi đến và gặp lại các anh.

Phao-lô đang nghĩ là ông sắp ra khỏi tù. Trong BDY dùng chữ “phòng trọ.”

22b

tôi hy vọng nhờ anh cầu nguyện, tôi sẽ được về với anh chị em: Phao-lô không phải chỉ nói ông muốn đi gặp Phi-lê-môn và các con dân Chúa tại Cô-lô-se. Ông nói sẽ phải có một người nào đó khiến cho điều này xảy ra, người đó có thể là Đức Chúa Trời.

tôi hy vọng: Phao-lô không nói chắc chắn là những nhà cầm quyền La Mã sẽ cho ông tự do, nhưng ông muốn và trông đợi điều này xảy ra. Chúng ta không biết Phao-lô có trở lại Cô-lô-se hay gặp lại Phi-lê-môn hay không.

sẽ được về: Phao-lô muốn nói ông hy vọng được ra khỏi tù và kết quả là có thể đến thăm người Cô-lô-se.

với anh chị em: Tác giả dùng từ anh chị em hai lần trong câu này. Một lần nữa ở đây ông không phải chỉ viết thư cho Phi-lê-môn nhưng cũng cho các con dân Chúa ở tại Cô-lô-se nữa.

Câu 22 này có thể dịch một cách tự nhiên như sau:

Tôi hy vọng Đức Chúa Trời sẽ có cách cho tôi được tự do để tôi có thể gặp lại anh chị em.

lời cầu nguyện của tất cả tín hữu (BDY): BDY dịch ý nghĩa trong nguyên bản Hy-lạp cách rõ ràng các con dân Chúa tại Cô-lô-se cầu nguyện cho Phao-lô được thả. Vậy nên ông nói nếu ông được trả tự do, đó là sự trả lời cho lời cầu nguyện của họ.

23-24 Các tín hữu chào thăm Phi-lê-môn.

Trong các câu 23-24 Phao-lô gửi lời chào thăm của các tín hữu đang ở chỗ Phao-lô đến Phi-lê-môn. Hãy để ý dùng cùng một cách chào thăm như vậy trong ngôn ngữ của bạn với cùng một nội dung.

Hãy đọc lại các câu 23-24.

23

Ê-pháp-ra: Ê-pháp-ra là bạn của cả Phao-lô và Phi-lê-môn. Trong Cô-lô-se 1:7, 4:12 Phao-lô viết về cùng một Ê-pháp-ra.

bạn tù: Từ này có hai ý nghĩa:

(1) một người hiện đang ở tù với tôi.

(2) một người đã là tù nhân như tôi.

Ý nghĩa đầu tiên có lẽ gắn với điều Phao-lô muốn nói đến ở đây nhất, bởi vì Phao-lô đang gửi lời chào thăm của Ê-pháp-ra đến các tín hữu ở Cô-lô-se. Bởi vì Ê-pháp-ra ở đó với Phao-lô như *một người bạn tù*, rất có thể ông đang ở tù với Phao-lô.

trong Đúc Cơ Đốc Giê-su: Cả Phao-lô và Ê-pháp-ra đều ở tù vì Phúc Âm của Chúa Giê-su Cơ Đốc. Phao-lô cũng nói chính ông là “một tù nhân của Chúa Cơ Đốc Giê-su” trong câu 1. Phao-lô ở tù bởi vì nhiều người không muốn ông tiếp tục giảng về Chúa Giê-su. Một số người nói Ê-pháp-ra bị tù vì ông giảng tin tức tốt lành, nhóm từ “người bạn tù của tôi” cho thấy điều này.

24

Mác: Đây là Mác, một tín hữu Do Thái, người viết Phúc Âm Mác. Xem Công Vụ 12:25.

A-ri-tac: Một tín hữu Do Thái khác ở đó với Phao-lô tên là A-ri-tac, quê ở Tê-sa-lô-ni-ca. Xem Công Vụ 19:29.

Đê-ma: Đê-ma là một tín hữu người ngoại quốc (không phải người Do Thái). Chúng tôi không biết chắc có phải đây cũng là Đê-ma là người xa Phao-lô sau này không (2 Ti-mô-thê 4:10).

Lu-ca: Đây là ông Lu-ca, tác giả của Phúc Âm Lu-ca và sách Công-vụ. Ông là người ngoại quốc và là một bác sĩ y khoa (Cô-lô-se 4:14).

các bạn đồng lao của tôi: Bốn người này cùng làm việc với Phao-lô, giúp đỡ ông bằng cách này hay cách khác để làm cho người ta biết về Phúc Âm (xem câu 1). Để ý Phao-lô không nói họ là “bạn đồng tù,” như ông nói về Ê-pháp-ra (câu 23). Bốn người này được tự do làm việc với Phao-lô để rao truyền Phúc Âm, ngay cả khi ông bị ở tù.

25 Tạm biệt

Hãy đọc lại câu 25.

25

ân sủng: Xem Lời Giải Nghĩa về câu 3. Phao-lô lại nói ông muốn và cầu nguyện xin Chúa giúp đỡ và ban phước cho bạn hữu của ông tại Cô-lô-se. Đây là cách Phao-lô chấm dứt nhiều lá thư của ông và nói “tạm biệt” (xem 1 Cô-rinh-tô 16:23, Cô-lô-se 4:18, 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:28).

tâm linh: Đây không đề cập đến sự xa cách về *tâm linh* với các con dân Chúa mà Phao-lô đang viết thư cho. Ông đang nói về chính họ. Đó là một cách khác để nói “ở với các anh.” Đây là phước hạnh của tất cả các con dân Chúa ở Cô-lô-se. Cũng vậy, từ *tâm linh* số ít (có nghĩa là “một tâm linh”). Phao-lô đang nói đến họ như một nhóm con dân Chúa.

- 23** **Ê-pháp-ra, người bạn tù của tôi trong Đức Cơ Đốc Giê-su xin kính lời thăm anh.**
Ê-pháp-ra chào thăm anh. Anh ấy ở tù cùng với tôi bởi vì [làm công việc] của Đức Cơ Đốc Giê-su.
-HAY-
Ê-pháp-ra là một tù nhân ở đây với tôi bởi vì [anh ấy giảng về] Đức Cơ Đốc Giê-su. Anh ấy gửi lời thăm anh.
- 24** **Mác, A-ri-tạc, Đê-ma, và Lu-ca là các bạn đồng lao của tôi cũng vậy.**
Và những người khác [cùng ở đây với tôi] giúp đỡ trong công việc [của Phúc Âm] – Mac, A-ri-tạc, Đê-ma, và Lu-ca – [họ cũng chào thăm anh]
- 25** **Nguyện xin ân sủng của Chúa Giê-su Cơ Đốc ở với tâm linh anh chị em.**
Nguyện xin Chúa Giê-su Cơ Đốc [của chúng ta] ban phước cho [tất cả] các anh chị em.